

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA **TÂN ĐẠI HƯNG**

TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2018**

Mục lục

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

I.Thông tin khái quát.	Trang 4	Đến trang 5
II.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	Trang 5	Đến trang 5
III.Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	Trang 6	Đến trang 7
IV. Định hướng phát triển.	Trang 7	Đến trang 9
V.Phòng chống rủi ro.	Trang 9	Đến trang 9

Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

I.Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	Trang 10	Đến trang 11
II.Tổ chức và nhân sự.	Trang 11	Đến trang 12
III.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	Trang 12	Đến trang 13
IV.Tình hình tài chính.	Trang 13	Đến trang 13
V.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	Trang 14	Đến trang 16
VI.Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.	Trang 16	Đến trang 19

Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Trang 20	Đến trang 21
II.Tình hình tài chính.	Trang 22	Đến trang 24
III.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	Trang 24	Đến trang 24
IV.Kế hoạch phát triển trong tương lai.	Trang 24	Đến trang 27
V.Ý kiến của Ban Giám Đốc đối với ý kiến của Kiểm toán.	Trang 27	Đến trang 27
VI.Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.	Trang 27	Đến trang 27

Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty.	Trang 28	Đến trang 33
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc.	Trang 33	Đến trang 33
III.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.	Trang 34	Đến trang 34

Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I.Hội đồng quản trị.	Trang 35	Đến trang 38
II.Ban kiểm soát.	Trang 38	Đến trang 39
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.	Trang 40	Đến trang 40

Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

I.Ý kiến kiểm toán.	Trang 41	Đến trang 41
II.Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty A&C.	Trang 42	Đến trang 77

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Kính thưa quý cổ đông,



Năm 2018 tuy khởi đầu với nhiều kỳ vọng nhưng đã khép lại với tình hình địa chính trị – kinh tế – môi trường – khí hậu – dân tộc – tôn giáo trên thế giới diễn biến phức tạp hơn. Quan điểm “Fist America”, chính sách lãi suất của FED, vấn đề Brexit và đặc biệt là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã không chỉ ảnh hưởng lên 2 nền kinh tế hàng đầu này, mà còn tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu, thay đổi các điều kiện thương mại trên thế giới, tạo ra nhiều lo ngại về bất ổn và suy thoái trong những năm tới.

Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam có quy mô nhỏ, lại có độ mở cao (với 16 FTA đã và đang được đàm phán ký kết, 10 FTA đã có hiệu lực), nhưng năm 2018 lại cho thấy Việt Nam được quốc tế xem là có kinh tế vĩ mô ổn định và phát triển thần kỳ. Dù thị trường chứng khoán biến giảm rất mạnh, tái cơ cấu nền kinh tế và đầu tư hạ tầng còn nhiều tồn tại và cần tìm ra động lực mới cho phát triển để vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”, nhưng các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu của năm 2018 đều đạt và vượt; đặc biệt, tăng trưởng GDP đạt mức kỷ lục 7,08%, xuất siêu 7,2 tỷ USD, dự trữ ngoại hối hơn 60 tỷ USD. Chỉ số CPI bình quân chỉ tăng 3,54%, chỉ số PMI trong tháng 12/2018 dẫn đầu các nước khu vực Đông Nam Á (theo Nikkei). Giá vàng trong nước bình quân tăng 2,36%, chỉ số giá đô la Mỹ bình quân tăng 1,29% (thực tế tăng khoảng 2,7%), tín dụng tăng 14%, mặt bằng lãi suất cơ bản ổn định, lãi suất cho vay phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, trung- dài hạn khoảng 9-11%/năm. Tỷ lệ nợ xấu (nội bảng) của hệ thống ngân hàng giảm còn 1,89% so với mức 1,99% cuối năm 2017. Năng suất lao động toàn nền kinh tế tăng 9,4%. Môi trường kinh doanh, đầu tư được tiếp tục cải thiện. Kỳ vọng “hóa rồng” lại được nhắc đến.

Ngành nhựa Việt Nam với những nhược điểm cố hữu (70% nguyên vật liệu lệ thuộc nhập khẩu với thuế nhập khẩu 3%; phần lớn doanh nghiệp nhựa có quy mô nhỏ, công nghệ sản xuất lạc hậu, sản phẩm hầu hết ở phân khúc thấp; cạnh tranh rất mạnh về giá), phải chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng cao trước làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài và M & A, đặc biệt là từ khối ASEAN và Trung quốc, nhưng ngành nhựa vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng cao và liên tục, thị trường nội địa khởi sắc, dư địa còn nhiều, tuy rằng vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa đã và đang trở thành một rào cản phát triển trong thời gian tới.

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bao bì nhựa thiên về xuất khẩu, trong năm qua, Tân Đại Hưng vẫn trung thành với các giá trị cốt lõi, kiên định với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược, không ngừng củng cố các lợi thế cạnh tranh: chất lượng, sản lượng, giá thành, giữ vững uy tín của Thương Hiệu trong các thị trường mục tiêu xuất khẩu và nội địa.

Trong suốt quá trình 2018, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành luôn tuân thủ thống nhất theo các định hướng năng động - kỷ cương - minh bạch - chuyên nghiệp - hiệu quả, đảm bảo tài sản nguồn vốn và tình hình tài chính công ty lành mạnh, đề cao phòng tránh rủi ro không để phát sinh hệ lụy. Công ty đã nỗ lực mở rộng tiếp thị để có nhiều đơn hàng hơn, tìm kiếm khai thác cơ hội trong các thị trường mục tiêu; tiếp tục đầu tư đổi mới thêm nhiều máy móc thiết bị nhằm tiếp tục nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm giá thành; duy trì ổn định đội ngũ quản lý và công nhân cũng như hệ thống cung ứng gia công đầu vào và bán thành phẩm.

Sau một năm phấn đấu trong nhiều biến đổi, khó khăn của môi trường kinh doanh và cạnh tranh, với nỗ lực và tâm huyết của mình, Tân Đại Hưng đạt khá tốt các chỉ tiêu chính yếu do Đại Hội Cổ Đông đề ra của năm 2018: sản lượng đạt 111,5%, doanh thu đạt 109,3%, lợi nhuận sau thuế đạt 94,2% chỉ tiêu kế hoạch năm 2018. So sánh với kết quả năm 2017, sản lượng tăng 102,9%, doanh thu tuy chỉ bằng 95,8% nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn tăng 102,7%.

Chặng đường sắp tới, thương trường diễn biến khó lường, cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn, nhưng kết quả đạt được trong những năm qua là cơ sở để công ty tiếp tục phát triển một cách bền vững. Tôi và Hội Đồng Quản Trị công ty cũng như Ban Giám Đốc vững tin rằng với những định hướng sát đúng với thị trường, giữ gìn và phát huy các giá trị cốt lõi, được sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, Tân Đại Hưng sẽ tiếp tục gặt hái thành công mới trong thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.



Trân trọng,
PHẠM ĐỖ ĐIỂM HƯƠNG
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 17 tháng 06 năm 2013.
Vốn điều lệ:	244.305.960.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	244.305.960.000 đồng.
Địa chỉ trụ sở văn phòng:	414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM.
Số điện thoại:	+84 (028) 39 73 72 77
Số fax:	+84 (028) 39 73 72 79
Website:	http://www.tandaihungleplastic.com
Email:	tdhplastic@gmail.com
Mã cổ phiếu:	TPC

Quá trình hình thành và phát triển

1) Quá trình hình thành và phát triển

1984	1994	1997	2002	2006	2010
Thành lập công ty SXTM Nhựa Tân Đại Hưng, chuyên sản xuất bao bì PP tái sinh cung cấp cho các nhà máy hóa chất, phân bón	Trở thành nhà cung cấp bao bì PP lớn nhất cho các công ty xuất nhập khẩu gạo, các công ty nhập và đóng gói bao phân bón tại Cảng Sài Gòn	Tiếp cận thương mại quốc tế và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu	Chuyển từ hình thức Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng	Khánh thành nhà máy tại Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Tăng cường xuất khẩu bao bì PP, vải địa kỹ thuật, vải phủ nông nghiệp vào thị trường Mỹ, Canada	Tăng vốn điều lệ thành 244.305.960.000 đồng

2) Quá trình Niêm yết :

Ngày 28/11/2007	Chính thức giao dịch 10.400.000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007.
Ngày 30/09/2008	Niêm yết bổ sung 10.146.000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDCK TPHCM ngày 30/09/2008.
Ngày 20/08/2010	Niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thưởng theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở GDCK TPHCM ngày 11/08/2010.
Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông.
Mã chứng khoán	TPC.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 24.430.596 cổ phiếu. - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21.268.956 cổ phiếu (giao dịch tự do). - Số lượng cổ phiếu quỹ: 3.161.640 cổ phiếu.	

3) Các sự kiện khác:

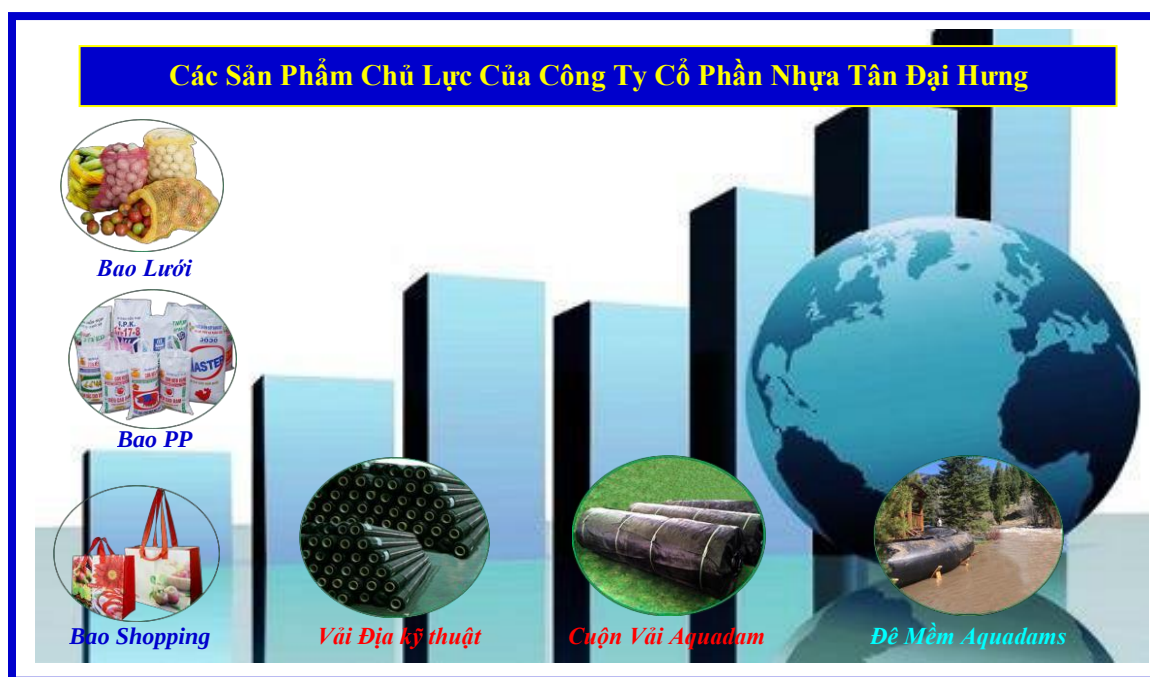


Từ năm 2003	Áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 từ năm 2009.
27/2/2007	Được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy”.
Tháng 5/2009	Được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử “BSCI” và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”.
Từ Năm 2003	Được Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương Mại) liên tục xét tặng danh hiệu “Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín”.

II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1) Ngành nghề kinh doanh:

- ☐ Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET.
- ☐ Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su.
- ☐ Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.



Ảnh minh họa các nhóm sản phẩm chủ yếu của công ty.

2) Địa bàn kinh doanh:

Thị trường xuất khẩu	Các sản phẩm bao lưới tròn, bao hộp, bao shopping, bao PP không in chủ yếu xuất vào các nước thuộc khối EU, vải địa kỹ thuật và aquadams xuất vào Mỹ và Canada, doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 65% - 75% trong tổng doanh thu hàng năm.
Thị trường nội địa	Các sản phẩm bao lưới, bao PP (có và không có tráng, có và không có PE, in và không in) chủ yếu cung cấp doanh nghiệp sản xuất phân bón và thức ăn gia súc tại các tỉnh miền Nam và Đông Nam bộ.

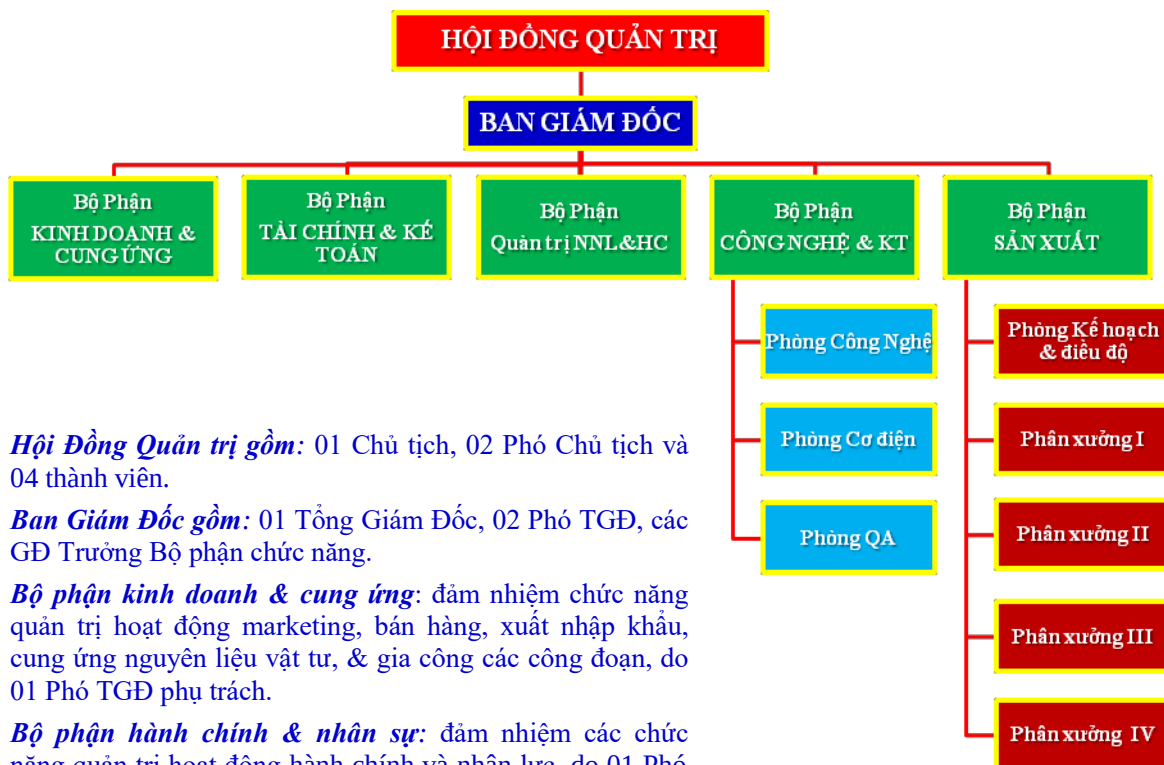
III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1) Mô hình quản trị.

- Tân Đại Hưng là công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam, được tổ chức và quản trị theo mô hình công ty mẹ & công ty con.
- Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Hội đồng quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2) Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng



- **Hội Đồng Quản trị gồm:** 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 thành viên.
- **Ban Giám Đốc gồm:** 01 Tổng Giám Đốc, 02 Phó TGD, các GD Trưởng Bộ phận chức năng.
- **Bộ phận kinh doanh & cung ứng:** đảm nhiệm chức năng quản trị hoạt động marketing, bán hàng, xuất nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu vật tư, & gia công các công đoạn, do 01 Phó TGD phụ trách.
- **Bộ phận hành chính & nhân sự:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động hành chính và nhân lực, do 01 Phó TGD phụ trách (kiêm giám đốc công ty con - nhà máy).
- **Bộ phận Tài chính kế toán:** đảm nhiệm các chức năng quản trị tài chính, kế toán, các kho nguyên phụ liệu và thành phẩm, do GD tài chính kiêm kế toán trưởng phụ trách.
- **Bộ phận Công nghệ kỹ thuật:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động công nghệ, tái sinh nguyên liệu, đảm bảo chất lượng (QA), hệ thống điện, hệ thống máy móc thiết bị (sản xuất và phục vụ sản xuất), do Giám đốc Công nghệ KT phụ trách.
- **Bộ phận kế hoạch & sản xuất:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động sản xuất và các kho bán thành phẩm, do GD Sản xuất phụ trách.
 - **Phân xưởng 1:** gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (bao PP).
 - **Phân xưởng 2:** gồm các công đoạn Tráng, Ghép, Lộn, PE, Vặn hông, In.
 - **Phân xưởng 3:** gồm 2 nhóm công đoạn Cắt & May và LDPT & Đóng kiện.
 - **Phân xưởng 4:** gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (Vải địa kỹ thuật).

Trong mô hình công ty Mẹ -Con:

- *Trụ sở công ty tại thành phố Hồ Chí Minh:* là nơi giao dịch chính thức của công ty, nơi hoạt động thường xuyên của HĐQT và các bộ phận chức năng tài chính và kinh doanh cung ứng.
- *Nhà máy (Công ty TNHH TĐH) tại Long An:* là nơi hoạt động thường xuyên của BGĐ và các bộ phận chức năng khác của công ty.

3) Các công ty con, công ty liên kết.

- **Công ty con:** Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, giấy chứng nhận ĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- **Công ty liên kết:** Không có.

IV. Định hướng phát triển

1) Định hướng tổng thể:



Tầm nhìn	Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phát triển liên tục và bền vững cùng với ngành nhựa Việt Nam, gắn liền với bảo vệ môi trường thiên nhiên và lợi ích xã hội.
Sứ mệnh	Trở thành một doanh nghiệp bao bì hàng đầu tại Việt Nam và khu vực; phát huy thế mạnh và sở trường, chủ động hội nhập vào thị trường quốc tế theo các hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam với các nước khác.
Giá trị cốt lõi	□ Minh Bạch: Công bố thông tin đầy đủ, các dữ liệu và số liệu của công ty rõ ràng, rành mạch, trung thực. □ Kỷ Cương: Tất cả tổ chức và hoạt động của công ty đúng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và các chính sách qui định qui trình nội bộ. □ Chuyên Nghiệp: Công ty sản xuất kinh doanh bao bì nhựa hơn 30 năm, cán bộ công nhân năng động, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu, được sắp xếp phù hợp với năng lực trong môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, phù hợp với văn hóa công ty và tinh thần đội ngũ (team-work). □ Cạnh Tranh: Tân Đại Hưng là Thương Hiệu uy tín, đảm bảo Chất Lượng, đáp ứng sản lượng lớn, giá cả có lợi cho khách hàng, đảm bảo giao hàng đúng hẹn, thực hiện đúng đủ những thoãn thuận và cam kết với khách hàng. □ Hiệu Quả: Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang đến lợi ích thiết thực và tốt nhất cho các đối tác và khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

2) Chiến lược tổng thể trung và dài hạn (đến năm 2025)

Mục tiêu	Duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân >10% hằng năm, giữ vững vị trí trong top 3 ngành bao bì nhựa của Việt nam.
Thương hiệu	Tiếp thị nhạy bén, nắm bắt xu hướng và hoạch định sát đúng nhu cầu khách hàng, cơ cấu sản phẩm đáp ứng được sự cạnh tranh về giá bán, duy trì thương hiệu hàng đầu về bao bì, chọn lựa đối tác kết nối hợp lý trong chuỗi giá trị quốc tế.
Chất lượng sản phẩm	Lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm cạnh tranh và lấy công nghệ sản xuất tiên tiến làm nền tảng cho sự phát triển.
Công nghệ sản xuất	Liên tục cải tiến đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị, tối ưu hóa các dòng sản phẩm và qui trình sản xuất, đầu tư thích đáng cho nghiên cứu và phát triển nhằm cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
Năng suất và sản lượng	Vận dụng Lean Production và 5S nhằm loại bỏ các lãng phí và giảm chi phí, hợp lý hoá quy trình sản xuất, ngăn ngừa sai lỗi ngay từ khâu đầu tiên, gia tăng hiệu suất và hiệu quả các quá trình sản xuất tổng thể và mỗi công đoạn.
Tài chính	Kiểm soát nội bộ tốt, chú trọng quản trị phòng tránh rủi ro, đảm bảo tình hình tài chính công ty lành mạnh, đạt các chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức hàng năm.
Quản trị	Liên tục cập nhật, vận dụng các hệ thống quản trị tiên tiến nâng cao năng lực quản trị điều hành công ty phù hợp theo sự phát triển công nghiệp 4.0, xây dựng môi trường làm việc thu hút nguồn nhân lực, mời gọi nhân tài.
Xây dựng và phát triển văn hoá	Xây dựng tư duy quản trị tiên tiến trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên dựa trên nền tảng nguồn nhân lực năng động sáng tạo, chuyên môn cao. Xây dựng một tác phong chuyên nghiệp, tất cả vì lợi ích cao nhất của khách hàng.

3) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2019.



TT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2019	Ghi chú
1	Sản lượng bao bì (tấn)	14.810	Tăng 11,28 % so với chỉ tiêu 2018, và tương đương kết quả năm 2018.
2	Doanh thu bao bì (tỷ)	627,284	Tăng 9,34 % so với chỉ tiêu 2018, và giảm 7,86 % so với kết quả 2018.
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	25	Giảm do hoạt động từ thiện tại mục 6, nếu không sẽ đạt kết quả tương đương với năm 2018.
4	Mức chia cổ tức (%)	10%	Như năm 2018.
5	Tỷ lệ phế/thành phẩm (%)	≤ 6%	Như năm 2018.
6	Công tác xã hội	Trích 2% lợi nhuận trước thuế năm 2019 để tài trợ từ thiện (cho lĩnh vực y tế và giáo dục). HĐQT sẽ phối hợp với các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện và giám sát kiểm tra.	

Chỉ tiêu sản lượng và doanh thu bao bì năm 2019 tuy thấp hơn kết quả đạt được năm 2018 nhưng vẫn tăng so với chỉ tiêu 2018, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế vẫn tương đương với kết quả 2018, là do thay đổi cơ cấu sản phẩm để phù hợp với tình hình thị trường năm 2019 được dự báo sẽ có nhiều biến động, khó lường trước những khó khăn do chiến tranh kinh tế giữa Mỹ và Trung quốc, Brexit ảnh hưởng trực tiếp đến các thị trường mục tiêu của công ty, đặc biệt là xuất khẩu.

4) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Tân Đại Hưng luôn đặt mục tiêu kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong các hoạt động, Công ty quan tâm công tác xã hội và chú trọng chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho toàn thể CB – CNV tại Công ty. Công ty cam kết đảm bảo liên tục:

- ☐ Không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu tiêu hao năng lượng, cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất. Nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- ☐ Tổ chức thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- ☐ Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau) do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động tài trợ cộng đồng của các địa phương (các địa bàn trụ sở và nhà máy).

V. Phòng chống các rủi ro:

Công ty đã nhận diện, đã và đang thực hiện các biện pháp những biện pháp phòng chống rủi ro:

<i>Lĩnh vực rủi ro</i>	<i>Nhóm giải pháp và biện pháp</i>
<i>Pháp luật</i>	Thay đổi về thể chế, chính sách, pháp luật sẽ được theo dõi và thay đổi kịp thời để đảm bảo tổ chức và hoạt động công ty luôn hiệu quả..
<i>Thị trường và khách hàng</i>	Cập nhật thường xuyên tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên để nắm vững tình hình khách hàng, có những chiêu thức marketing và bán hàng phù hợp.
<i>Giá nguyên liệu</i>	Theo dõi xu hướng thay đổi của giá nguyên liệu để quyết định mua và tồn kho hợp lý, hạn chế tối đa biến động giá nguyên liệu tác động xấu đến giá thành và giá bán, đảm bảo ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.
<i>Tỷ giá và lãi suất ngân hàng</i>	Theo dõi chính sách tiền tệ, tình hình tỷ giá để sử dụng có lợi nhất nguồn USD từ doanh thu xuất khẩu, phòng tránh hệ quả khi tỷ giá biến động mạnh; kiểm soát thay đổi hạn mức và lãi suất vay ngân hàng để hạn chế ảnh hưởng đến quá trình mua nguyên vật liệu cho sản xuất và hiệu quả hoạt động chung của công ty.
<i>Giao nhận, vận chuyển</i>	Thực hiện bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát chặt chẽ quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.
<i>Công nghệ</i>	Theo dõi thay đổi công nghệ sản xuất trong thời đại công nghiệp 4.0, có những dự báo và kế hoạch để chuyển đổi phù hợp theo yêu cầu cụ thể của khách hàng.
<i>Chất lượng</i>	Chọn nhiều nhà cung cấp và sản xuất thử mẫu, đánh giá nguyên liệu. Kiểm tra kiểm soát đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu và tất cả công đoạn, tránh rủi ro trong quá trình sản xuất, dẫn đến chất lượng các thành phẩm không đảm bảo.
<i>Thanh toán</i>	Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả, không để phát sinh nợ xấu.
<i>Lao động</i>	Tình trạng dịch chuyển lao động có xu hướng tăng: đào tạo để nâng cao tay nghề, kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất mới, thực hiện chính sách chăm lo tốt để người lao động an tâm và gắn bó, đặc biệt là người có tay nghề cao. Điều phối kịp thời qua các công đoạn để đảm bảo sản lượng và tiến độ sản xuất.
<i>Thông tin và internet</i>	Nhắc nhở, giám sát quan hệ và phân công hợp lý nhân viên, có những biện pháp kỹ thuật và hành chính nhằm giữ an toàn của hệ thống mạng thông tin, phòng tránh các rủi ro từ mạng internet, tiết lộ các thông tin cần bảo mật của công ty.
<i>Cơ sở hạ tầng</i>	Lắp đặt hệ thống thiết bị giám sát, kiểm tra chặt chẽ, chủ động phòng chống cháy nổ, giông bão, không để xảy ra trộm cắp làm thiệt hại tài sản và uy tín công ty.
<i>Giao dịch chứng khoán</i>	Theo dõi tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty, phòng tránh biến động xấu và nguy cơ bị thao túng, đầu tư.

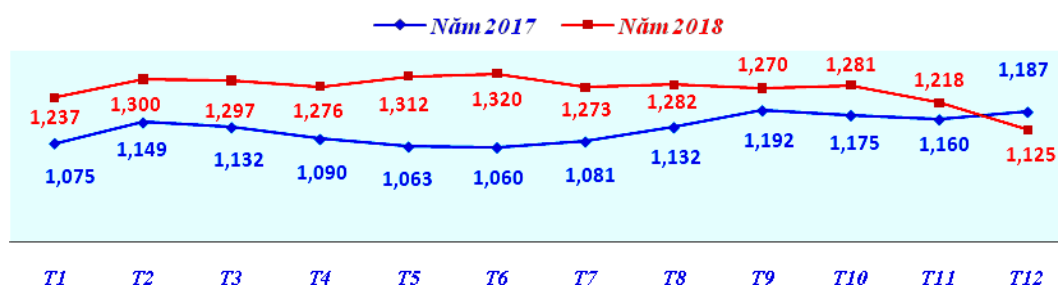
Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

I. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1) Những thay đổi của môi trường kinh doanh và các giải pháp đã thực thi đạt hiệu quả:

Tình hình môi trường kinh doanh 2018	Nhóm giải pháp đã thực thi
- Giá các nguyên vật liệu chủ yếu của sản xuất bao bì biến động, liên tục tăng từ đầu năm, từ quý 4/2018 lại giảm nhanh. Giá bình quân năm 2018 tăng hơn 12% so với năm 2017. Giá bán xuất khẩu của Quý 1/ 2018 đã được chốt từ cuối năm 2017 do đó ảnh hưởng lớn đến chi phí giá thành doanh thu và lợi nhuận của công ty - Thị trường xuất khẩu: cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu ngày càng gay gắt. Mặc dù giá nguyên vật liệu tăng nhưng một số doanh nghiệp không tăng giá bán sản phẩm, thậm chí giảm giá bán để giành thị phần. Mặt khác, hàng rào kỹ thuật tại các nước nhập khẩu ngày càng phức tạp, phát sinh thêm chi phí và mất thời gian đáp ứng. Đơn hàng đầu quý 3 giảm. - Thị trường nội địa : ngành thức ăn gia súc khởi sắc, đầu ra của các công ty sản xuất bao bì cũng được nhiều thuận lợi để tìm thêm đơn hàng. - Dịch chuyển lao động giữa các doanh nghiệp trong ngành và trong khu vực, công nhân thiếu ổn định, tuyển dụng khó khăn mùa cao điểm.	- Kiểm soát chi phí mua hàng và mức tồn kho, kiểm soát chi phí sản xuất, cải tiến công nghệ kỹ thuật để tăng năng suất, loại bỏ lãng phí, tăng sử dụng nhựa tái sinh để giảm giá thành. - Tiếp thị khách hàng mới, chào giá bán cạnh tranh và thanh toán linh hoạt theo từng khách hàng để tăng đơn hàng và sản lượng. - Điều chỉnh kịp thời cơ cấu sản phẩm, ưu tiên sản xuất các nhóm sản phẩm có lợi nhuận cao trong thị trường xuất khẩu. - Nắm vững và tìm cách đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn của khách hàng, cải tiến tổ chức và qui trình để vượt qua các cuộc đánh giá, giám định khắt khe đối với nhà sản xuất. - Mở rộng địa bàn tuyển dụng, tuyển chọn kỹ lưỡng hơn, điều phối nhanh lao động giữa các công đoạn sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động qua lương thưởng, tiếp tục gia công bán thành phẩm.

Diễn biến thị giá nguyên liệu PP năm 2018 (Usd/mt)



- Giá PP bình quân năm 2018 bằng 112,6% giá PP bình quân năm 2017, tăng cao hơn nhiều so với phân tích và dự báo vào cuối năm 2017 (là không quá 10%).
- Tuy nhiên, đến tháng 12/2018 giá PP chỉ bằng 90,9% (giảm 9,1%) so với tháng 01/2018.

2) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2018	Kết quả thực hiện	% Đạt
01	Sản lượng bao bì	13.430 tấn	14.975 tấn	111,5%
02	Doanh thu bao bì	622,626 tỷ đồng	680,758 tỷ đồng	109,34%
03	Lợi nhuận sau thuế	32 tỷ đồng	30,143 tỷ đồng	94,2%

Trong đó:

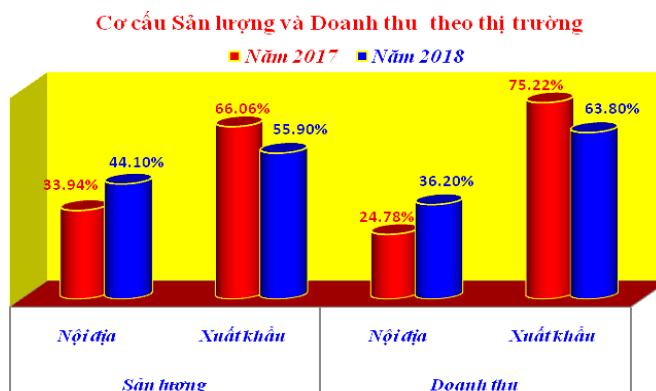
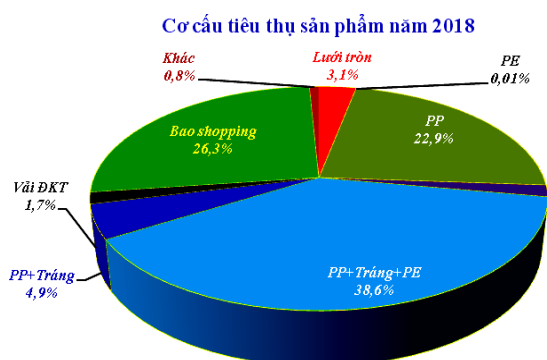
- Tổng sản lượng thực hiện : 14.975 tấn (tăng 11,5% so với kế hoạch năm).
 - Sản lượng XK đạt : 8.368 tấn, chiếm 55,9% tổng sản lượng.
 - Sản lượng nội địa : 6.607 tấn, chiếm 44,1% tổng sản lượng.
- Tổng doanh thu bán hàng : 680.758 triệu (tăng 9,34% so với kế hoạch năm).
 - Doanh thu XK : 434.199 triệu đồng chiếm 63,8% tổng doanh thu.
 - Doanh thu nội địa : 246.559 triệu đồng chiếm 36,2% tổng doanh thu.

b) So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giữa năm 2018 với năm 2017:

	Kết quả năm 2017	Kết quả năm 2018	So sánh 2018/2017
Sản lượng (tấn)	14.550	14.975	102,92%
Doanh thu (tỷ đồng)	710,219	680,758	95,85%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	29,363	30,143	102,66%

□ Cơ cấu sản lượng và doanh thu theo khu vực thị trường đạt được như sau:

	Năm 2017		Năm 2018	
	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa
Sản lượng	66,06%	33,94%	55,9%	44,1%
Doanh thu	75,22%	24,78%	63,8%	36,2%



□ Chiến lược ưu tiên xuất khẩu của công ty là phù hợp với tính chất “mở” của kinh tế Việt Nam, tuy nhiên từ quý 3 năm 2018, thị trường khu vực xuất khẩu đã chịu những tác động tiêu cực dẫn đến sụt giảm một số đơn hàng của sản phẩm chủ lực (bao PP, vải aquadams), làm giảm đáng kể cơ cấu sản lượng và doanh thu xuất khẩu của công ty so với dự kiến. Trong khi đó, thị trường nội địa khởi sắc với sản lượng tăng 37,6%, doanh thu tăng 45,1% so với năm 2017.

II. Tổ chức và nhân sự

1) Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Nhựa Tân Đại Hưng (04/03/2019)

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐHKT	Tổng GD	896.700	3,67%
2	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐHKT	Phó TGD	304.000	1,24%
3	Ông Phạm Văn Mẹo	Nam	1963	TCHC	Phó TGD	35.000	0,14%
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐHTCKT	KTT kiêm GĐTC	127.160	0,52%
5	Ông Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐHKT	GĐ SX & GC	7.000	0,03%

(tóm tắt lý lịch có trong phần quản trị công ty).

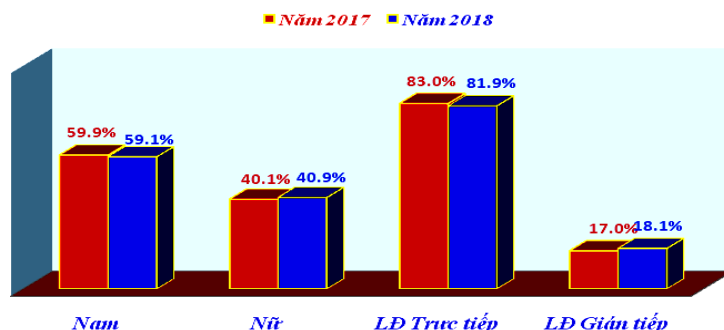
2) Những thay đổi trong ban điều hành:

Không thay đổi trong năm 2018.

3) Số lượng cán bộ, nhân viên và tóm lược chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động trong công ty làm việc tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 641 người: gồm 379 lao động nam, 262 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 525 lao động chiếm tỷ lệ 81,9% tổng số lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới).

Cơ cấu Lao động theo giới tính và tính chất công việc



- Tóm lược các Chính sách đối với người lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới):
 - Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo luật lao động.
 - Lãnh đạo công ty luôn chú trọng ổn định việc làm, tiếp tục nâng cao thu nhập thông qua hiệu quả sản xuất, làm việc; có những chính sách khuyến khích sáng kiến cải tiến, thâm niên, thưởng thành tích định kỳ và đột xuất.
 - Định kỳ tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao, văn nghệ trong nội bộ và giao lưu với các doanh nghiệp khác trong cụm công nghiệp.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1) Các khoản đầu tư góp vốn.

- Góp 10 tỷ (10% vốn dự án) thành lập Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu, kinh doanh cảng ICD và kho bãi Tân Cảng Cái Mép và 2 KCN tại tỉnh BRVT. Dự án này vẫn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lời.

2) Các khoản đầu tư cổ phiếu thể hiện như sau:

Các khoản đầu tư cổ phiếu công ty nắm giữ đến ngày 31/12/2018 như sau:

Đơn vị đầu tư	Mã Cổ phiếu	Đầu năm 2018		Cuối năm 2018	
		Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	3	198,979	3	198.979
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	EIB	332.847	7.058.632.403	112.847	2.393.128.046
Cộng		332.850	7.058.831.382	112.850	2.393.327.025

Trong năm 2018 đã thanh lý 220.000 cổ phiếu EIB; sau khi hoàn nhập dự phòng, lợi nhuận đạt được 689.500.000 đồng

3) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng: không có.
- Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng không liên kết với công ty nào khác.
- Công ty con:
 - Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng đầu tư và đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An.

- Tình hình hoạt động của công ty TNHH TĐH ổn định (thực chất đây là nhà máy sản xuất bao bì và kho hàng của Công ty Cổ phần nhựa Tân Đại Hưng),
- Công ty “con” hàng năm đều được kiểm toán và báo cáo cùng với công ty “Mẹ” để có báo cáo tài chính hợp nhất và công bố thông tin minh bạch (xem phần báo cáo tài chính).



IV. Tình hình tài chính

1) Tình hình tài chính

(Đơn vị: đồng)

Chỉ Tiêu	Năm 2017	Năm 2018	So sánh 2018/2017
Tổng giá trị tài sản	644.046.168.114	662.377.479.493	102,88%
Doanh thu thuần	735.337.164.685	713.685.054.261	97,06%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.702.047.493	28.145.245.977	88,78%
Lợi nhuận khác	5.203.551.947	9.777.427.724	187,90%
Lợi nhuận trước thuế	36.905.599.440	37.922.673.701	102,76%
Lợi nhuận sau thuế	29.362.715.659	30.143.231.298	102,66%

2) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu - chỉ số	2017	2018	Ghi chú
Tổng Tài Sản			
▪ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	64,09%	70,56%	Tăng
▪ Tài sản Dài hạn/Tổng tài sản (%)	35,91%	29,44%	Giảm
Nợ phải trả			
▪ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	48,82%	50,52%	Tăng
▪ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	49,74%	49,48%	Giảm
▪ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	95,39%	102,11%	Tăng
Tỷ Số Lợi nhuận			
▪ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên)	3,99%	4,22%	Tăng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	4,56%	4,55%	Bằng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	8,91%	9,20%	Tăng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần	12,02%	12,34%	Tăng
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
▪ Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	1,31	1,40	Tăng
▪ Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền mặt	0,86	0,79	Giảm
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
▪ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ)	6,03	3,76	Giảm
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,14	1,07	Giảm

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1) Cổ phần:

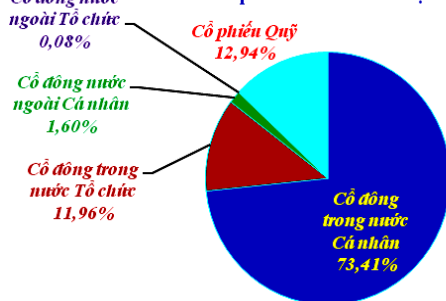
Cổ Phiếu Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng	Số Cổ phiếu
Tổng số cổ phần phát hành	24.430.596
Số cổ phần đang lưu hành (chuyển nhượng tự do)	21.268.956
Cổ phần Cổ phiếu quỹ nắm giữ	3.161.640
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	00
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	00

2) Cơ cấu cổ đông:

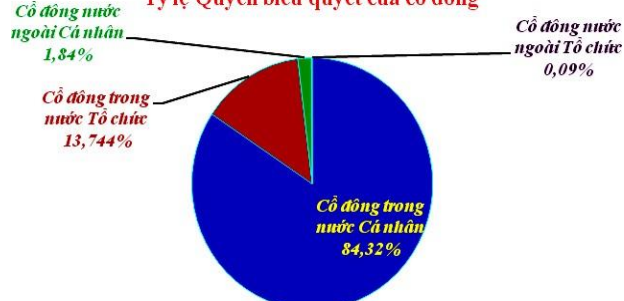
(Theo danh sách do TTLKCK TPHCM chuyển đến công ty ngày 04/03/2019)

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) sở hữu cổ phiếu	TS quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết
I. Cổ đông trong nước	624	20.857.374	85,37%	20.857.374	98,06%
1. Cá nhân	604	17.934.356	73,41%	17.934.356	84,32%
2. Tổ chức	20	2.923.018	11,96%	2.923.018	13,74%
II. Cổ đông nước ngoài	20	411.582	1,68%	411.582	1,94%
1. Cá nhân	16	391.412	1,60%	391.412	1,84%
2. Tổ chức	4	20.170	0,08%	20.170	0,09%
III. Cổ phiếu quỹ		3.161.640	12,94%	-	0%
TỔNG CỘNG	644	24.430.596	100,00%	21.268.956	100,00%

Cơ cấu cổ phiếu TPC theo loại cổ đông



Tỷ lệ Quyền biểu quyết của cổ đông



3) Các cổ đông lớn của công ty:

TT	Tên cổ đông	Quốc tịch	TSCP sở hữu	% Sở hữu/TSCP
1	Lê Thị Mỹ Hạnh	Việt Nam	3.382.590	13,85%
2	Phạm Trung Cang	Việt Nam	3.223.220	13,19%
3	Trương Thị Lệ	Việt Nam	1.237.740	5,11%

4) Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn” và “cổ đông nội bộ”:

Trong năm 2018, không có giao dịch của cổ đông lớn và cổ đông nội bộ.

5) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

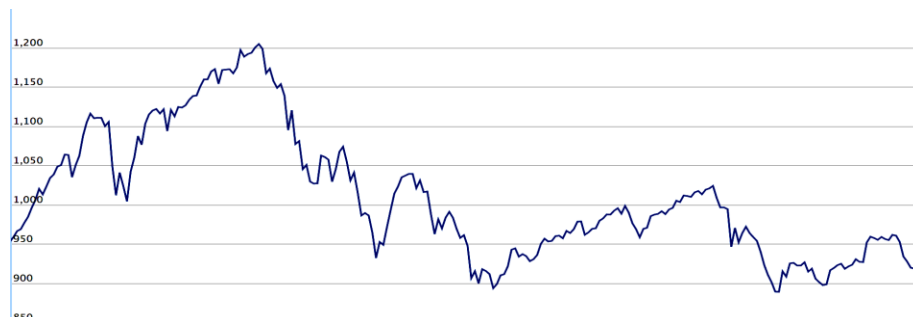
Trong năm 2018, công ty không phát hành chứng khoán tăng vốn, không phát hành cổ phiếu thường, không trả cổ tức bằng cổ phiếu.

6) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2018.

7) Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC trên sàn HOSE năm 2018.

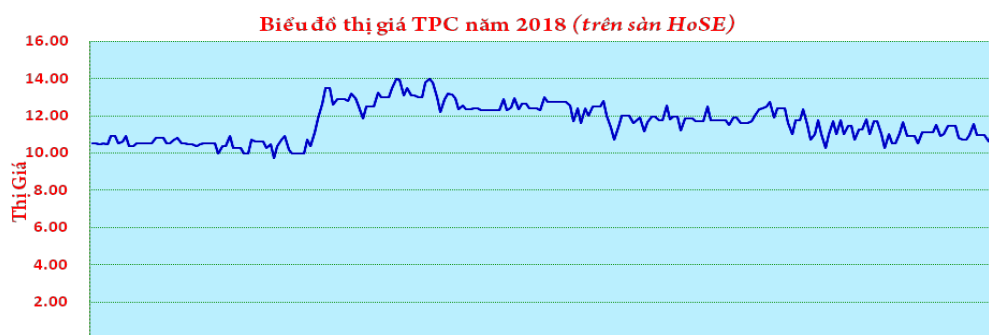
- **Thị trường chứng khoán Việt Nam 2018:** Với 38 phiên tăng/giảm trên 2% trong năm 2018, Vn-Index đã ghi nhận mức biến động mạnh nhất kể từ năm 2009 tới nay. Từ chỉ số tốt nhất châu Á - Thái Bình Dương trong 3 tháng đầu năm và xác lập mức kỷ lục mới với VN-Index 1.204 điểm vào ngày 9/4, chỉ vài tuần ảnh hưởng bởi đợt bán tháo trên thị trường thế giới VN-Index trở thành chỉ số giảm sâu nhất từ mức đỉnh so với các thị trường trong khu vực. Phiên giao dịch cuối cùng trong năm 2018 khép lại với Vn-Index giảm 8,27 điểm (-0,92%) xuống còn 892,54 điểm.



Biểu đồ VNIndex năm 2018

- **Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty trên sàn HOSE năm 2018:**

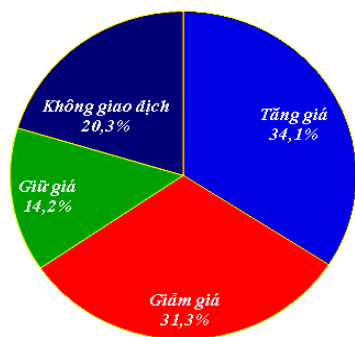
Theo ảnh hưởng chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam, tổng khối lượng giao dịch và tổng giá trị giao dịch của cổ phiếu TPC năm 2018 đều giảm mạnh nhưng bình quân giá giao dịch cả năm lại tăng 121,7% so với năm 2017, giá đóng cửa phiên cuối năm là 10.700 đồng tăng 200 đồng/cp (tăng 1,9%) so với phiên mở cửa đầu năm. Giá trị vốn hóa của công ty theo cổ phiếu trên TTCK tăng tương ứng 4.653.446.857 đồng.



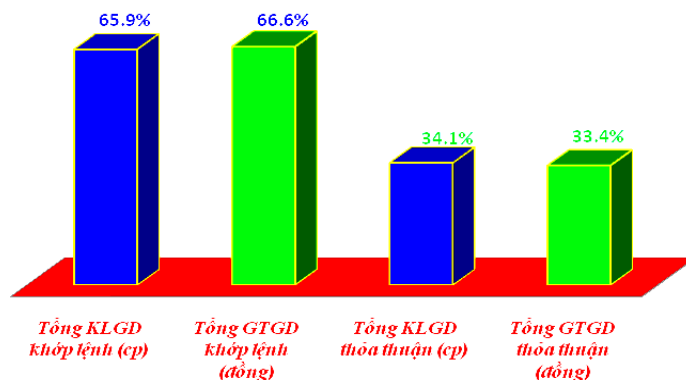
THÔNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TPC NĂM 2018

Hạng mục	Số lượng	Tỷ lệ
TS phiên tăng giá	84	34,1%
TS phiên giảm giá	77	31,3%
TS phiên giữ giá	35	14,2%
TS phiên không giao dịch	50	20,3%
Tổng KLGD khớp lệnh (cp)	1.410.660	65,9%
Tổng GTGD khớp lệnh (đồng)	16.824.000.110	66,6%
Bình quân GTGDKL/CP (đồng)	11.926	
Tổng KLGD thỏa thuận (cp)	730.800	34,1%
Tổng GTGD thỏa thuận (đồng)	8.443.925.000	33,4%
Bình quân GTGDTT/CP (đồng)	11.554	
Thị giá mở cửa đầu năm	10.50	
Thị giá đóng cửa cuối năm	10.70	
So sánh thị giá 2017 (cuối-đầu)	0.20	1,9%
Giá trị vốn hóa công ty tăng thêm	4.653.446.857	

Cơ cấu giá trị giao dịch TPC 2018



Cơ cấu phương thức giao dịch TPC 2018



□ So sánh giao dịch cổ phiếu TPC giữa năm 2018 với năm 2017:

Hạng mục	Năm 2017	Năm 2018	So sánh 2018/2017
TS phiên tăng giá	29,7%	34,1%	Tăng 4,4%
TS phiên giảm giá	24,5%	31,3%	Tăng 6,8%
TS phiên giữ giá	45,8%	34,6%	Giảm -11,2%
Tổng Khối lượng GD (cp)	3.285.680	2.141.460	Giảm còn 65,2%
Tổng Giá trị GD (đồng)	31.862.210.000	25.267.925.110	Giảm còn 79,3%
Bình quân GTGDTT/CP (đồng)	9.697	11.799	Tăng 121,7%

8) Các chứng khoán khác:

Công ty không phát hành hay giao dịch chứng khoán khác trong năm 2018.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

1) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng nguyên liệu được sử dụng năm 2018:** 9.899.868 Kg.
Tỷ lệ trên cao hơn mức của năm 2018 (là 6,3%) do tăng sản lượng bao nội địa.
- Tỷ lệ nguyên liệu tái chế được sử dụng sản xuất năm 2018:** 17,81%
Tỷ lệ trên thấp hơn mức của năm 2017 do nguồn PP2 biến động (chính phủ kiểm soát chặt nhập khẩu), vì vậy các nhà cung cấp PP2 không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng.

2) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**

	Tổng tiêu thụ (kw)	Trực tiếp SX	Phục vụ SX
Năm 2017	12.268.400	11.864.043	404.357
Năm 2018	13.194.800	2.806.222	388.578
So sánh 2018/2017	107,6%	107,9%	96,1%

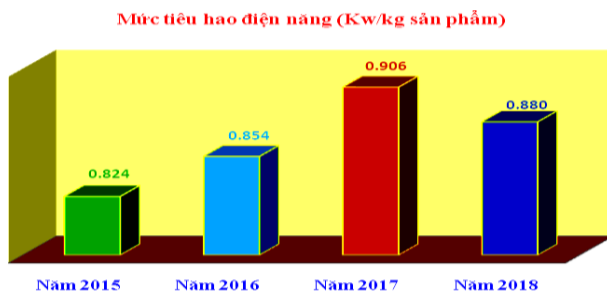
- Lượng điện tiêu thụ trực tiếp cho sản xuất năm 2018 tăng 7,9% so với năm 2017 do tăng sản lượng sản xuất, thay đổi cơ cấu sản phẩm, tăng thêm 01 máy kéo sợi và 12 máy dệt trong năm 2018 (quá trình lắp đặt và vận hành thử cũng tiêu thụ khá nhiều điện năng).
- Lượng điện tiêu thụ của các bộ phận gián tiếp năm 2018 giảm 3,9% so với 2017 (tỷ trọng là 2,94% tổng tiêu thụ điện, giảm so với mức 3,30% của năm 2017) do áp dụng các biện pháp tiết kiệm điện thấp sáng.

- Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (xem thêm chi tiết phần bên dưới):**

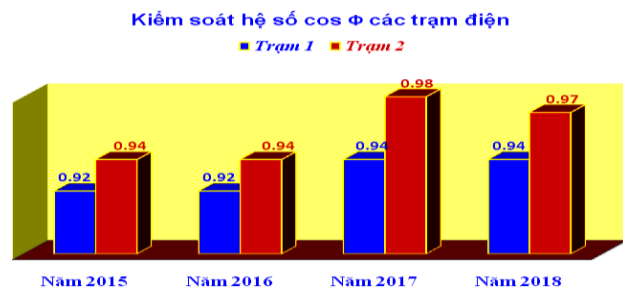
Tuy chưa sử dụng năng lượng tái tạo, nhưng công ty hết sức chú trọng việc tiết kiệm điện để giảm giá thành sản xuất thông qua các biện pháp sau đây:

- Lắp đặt hệ thống phụ tải điện hợp lý, kiểm soát hệ số cos Φ của điện kế tổng luôn đáp ứng được yêu cầu của ngành điện (yêu cầu $\cos \Phi \geq 0,90$).

- Gắn các điện kế con tại mỗi phân xưởng để theo dõi, đánh giá lượng điện tiêu hao theo đơn vị sản phẩm, thông tin thường xuyên đến các bộ phận để kiểm tra điều chỉnh.
- Liên tục cải tiến MMTB sản xuất, tăng năng suất máy kéo sợi, máy dệt, máy in; cải tạo hệ thống đèn, thay bóng đèn quỳnh quang bằng bóng Led, kiểm tra giám sát việc sử dụng tắt mở.
- Kiểm tra loại bỏ các phụ tải không cần thiết, nghiêm cấm lạm dụng cho mục đích cá nhân.



Mức tiêu hao điện sản xuất 2018 ở mức thấp so với trong ngành và giảm so với năm 2017.



Ngành điện kiểm tra cos Φ định kỳ và đột xuất đều thừa nhận đạt yêu cầu và không phải bù tiêu hao.

3) Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Trụ sở văn phòng sử dụng nguồn nước của TPHCM, nhà máy sử dụng nguồn nước tại khu công nghiệp.
- Mức sử dụng năm 2018: 69.888 m³ (tăng 8.4% so với 60.960 m³ năm 2017) do diễn tập phòng cháy chữa cháy nhiều lần.

b) **Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng năm 2018:** Là 6.950 m³, đạt tỷ lệ 28,2% (năm 2017 là 6.846 m đạt tỷ lệ 27,4%; năm 2016 tỷ lệ là 21%; năm 2015 tỷ lệ là 20%).

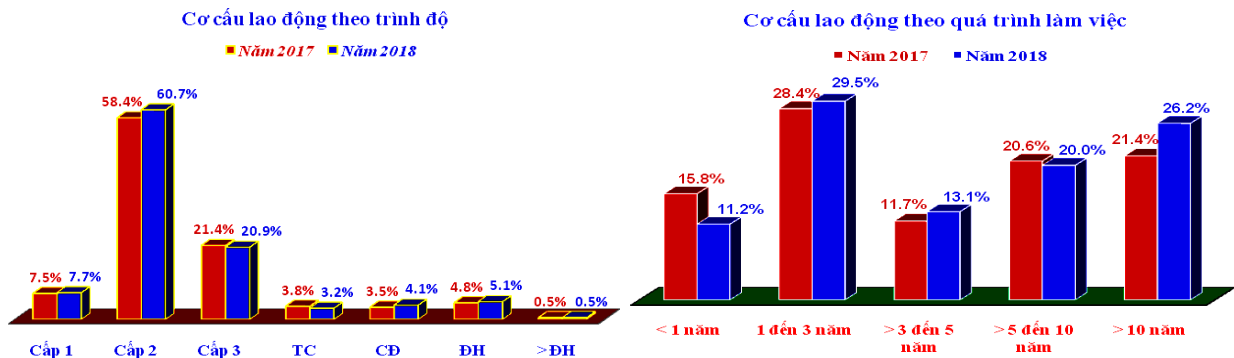
4) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

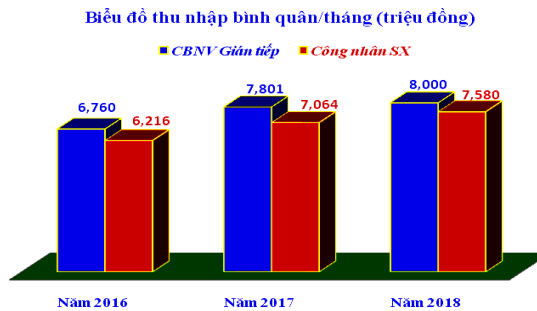
5) Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- **Tổng số lao động của công ty là 641 người:** gồm 379 lao động nam và 262 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 525 lao động chiếm tỷ lệ 82% trên tổng số lao động.
- Tổng số lao động năm 2018 giảm 1,5% so với năm 2017, chủ yếu là công nhân trực tiếp sản xuất, tổng sản lượng so sánh tăng 12%, như vậy năng suất lao động tăng hơn 9% so với 2017 (do các hoạt động cải tiến quy trình sản xuất & cải tiến máy móc thiết bị).



- **Thu nhập trực tiếp của CBNV bình quân năm 2018:** tăng 4,4% so với 2017 (Do các hoạt động cải tiến MMTB, quy trình SX để nâng suất lao động, điều chỉnh đơn giá lương LĐPT, may), tiền thưởng cuối năm tăng 4,2% so với 2017 (do thưởng lương tháng 13 tăng).

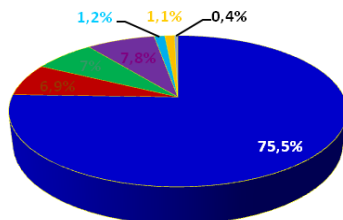


b) Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

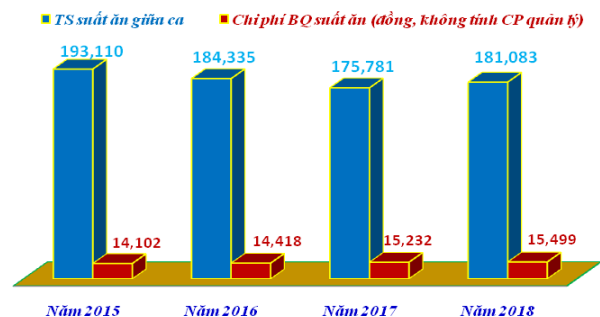
- **Chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN:** công ty thực hiện đúng và đủ các chế độ này đúng theo pháp luật và thỏa ước lao động.
- **Các chế độ thưởng:** lương tháng 13 (mức bình quân thu nhập tháng trong năm), thưởng thâm niên lũy kế, thưởng thành tích ABC.
- **Các chế độ chăm sóc, phúc lợi khác:**
 - Công ty có xe đưa rước CB-CNV từ các điểm tập trung đến nơi làm việc.
 - Đảm bảo thời gian nghỉ giữa ca, chế độ phép năm, chế độ phụ cấp tăng ca. Thực hiện 650.600.000 đồng chi phí phúc lợi trong năm 2018.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tham quan nghỉ mát hàng năm cho người lao động; tặng quà tất cả dịp lễ tết (30/4, 2/9, tết Dương lịch, tết Âm lịch); có chế độ trợ cấp hợp lý các trường hợp tang chế, ma chay, cưới hỏi, thai sản, tai nạn lao động.
 - Tổ chức bếp ăn tập thể với diện tích 500 m² trong khuôn viên công ty (bố trí 08 nhân viên nấu ăn & phục vụ, cung cấp bữa ăn giữa ca miễn phí cho CB-CNV Công ty, bếp ăn đạt GCN an toàn vệ sinh thực phẩm qua kiểm tra của ngành y tế địa phương). Trong năm 2018, thực hiện 181.083 suất ăn với chi phí bình quân 15.499 đồng/suất (không tính các chi phí quản lý).
 - Khu lưu trú với 50 phòng (gồm 40 phòng diện tích 60 m²/phòng và 20 phòng diện tích 32 m²/phòng) phục vụ chỗ ở miễn phí cho CB-CNV có nhu cầu. Tổng số CB-CNV ở lại khu lưu trú hiện nay là 350 người và một số thân nhân (49,1% tổng số lao động, chủ yếu là công nhân nhà ở các tỉnh xa).
 - Phối hợp với công đoàn tổ chức các phong trào văn thể mỹ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (hội thi bóng đá, karaoke, v.v...) chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

Cơ cấu một số chi phí phúc lợi 2018

- Tham quan nghỉ mát
- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
- Ngày Phụ nữ VN 20/10
- Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6
- Ma chay
- Cưới hỏi
- Thai sản



Cung cấp suất ăn giữa ca



Hình ảnh hoạt động đội bóng đá phong trào

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên như sau:**
 - Đào tạo công nhân mới: 102 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 204 giờ, đào tạo thực hành đứng máy là 4.896 giờ.
 - Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân: 40 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 800 giờ, đào tạo thực hành là 240 giờ.
 - Đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả CNSX: 24 giờ.
 - Đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả đội ngũ quản lý & nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: 48 giờ.
- **Đào tạo khác:**
 - Đào tạo về sử dụng an toàn hóa chất (theo hệ thống MSDS), sơ cấp cứu, công tác an toàn PCCC, chính sách về trách nhiệm xã hội BSCI & nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật cho đội ngũ quản lý và kỹ thuật Công ty.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng (đa dạng tay nghề, có thể làm nhiều nghề tùy công nhân đăng ký, nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ) và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Ưu tiên giải quyết việc làm tại địa phương, thông tin và vận động CBCNV góp phần giữ gìn ANTT, an toàn giao thông, xây dựng lối sống văn hóa trong quan hệ với dân cư địa phương.
- Không ngừng cải tiến công nghệ MMTB kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- Thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường (hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp), tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ); nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau): :
 - Do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức: chăm sóc trẻ em nghèo, ủng hộ cứu trợ bão lụt,
 - Các cuộc vận động của các địa phương (trụ sở và nhà máy) : ủng hộ chăm lo Tết cho người nghèo, trao học bổng cho con em CB-CNV gia đình nghèo vượt khó.
 - Năm 2018: công ty đã tài trợ 02 tỷ đồng xây dựng 40 căn “nhà tình thương” tại 2 tỉnh Bến Tre và Cà Mau.
 - Từ năm 2019, công ty sẽ trích chi phí tương đương mức 2% lợi nhuận trước thuế để tài trợ từ thiện cho lĩnh vực y tế và giáo dục (thông qua các tổ chức hợp pháp).



Hình ảnh tiêu biểu của bàn giao 40 nhà tình thương do Công ty tài trợ tại Bến Tre và Cà Mau năm 2018.

Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

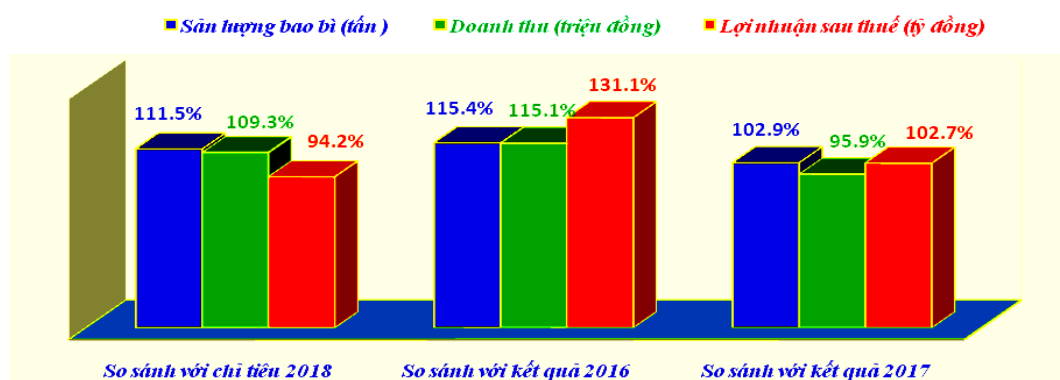
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018

1) Phân tích tổng quan.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau (bảng 1):

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu 2018	Thực hiện 2018	Kết quả 2016	Kết quả 2017	So sánh		
						Với chỉ tiêu 2018	Với kết quả 2016	Với kết quả 2017
1	Sản lượng bao bì (tấn)	13.430	14.975	12.980	14,549	111.5%	115.4%	102.9%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	622,63	680,76	591,50	710,22	109.3%	115.1%	95.9%
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	32	30,14	23	29,36	94.2%	131.1%	102.7%

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2018



b) Kết quả hoạt động năm 2018 (bảng 2):

(Đvt: đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	So sánh 2018/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.337.164.685	713.685.054.261	97,1%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.337.164.685	713.685.054.261	97,1%
4. Giá vốn hàng hóa	674.064.403.180	645.762.638.681	95,8%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.272.761.505	67.922.415.580	110,9%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12.374.446.398	14.191.292.433	114,7%
7. Chi phí tài chính	4.807.583.146	14.339.244.527	298,3%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	5.094.860.735	7.328.364.461	143,8%
8. Chi phí bán hàng	15.905.629.102	16.692.963.160	105,0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.231.948.162	22.936.254.349	108,0%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.702.047.493	28.145.245.977	88,8%
11. Thu nhập khác	5.262.094.725	9.804.084.239	186,3%
12. Chi phí khác	58.542.778	26.656.515	45,5%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	5.203.551.947	9.777.427.724	187,9%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.905.599.440	37.922.673.701	102,8%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.542.883.781	7.779.442.403	103,1%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.362.715.659	30.143.231.298	102,7%
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	29.362.715.659	30.143.231.298	102,7%
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.381	1.417	102,6%

Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2018, lợi nhuận đạt 30.143 triệu đồng chỉ đạt 94,02% so với kế hoạch là 32 tỷ đồng. Nhưng so với thực hiện năm trước thì tăng 780 triệu đồng (tương ứng tăng 2,66%) so với

kế hoạch năm trước thì tăng cao hơn 30%. Đây là những thành quả mà ban điều hành cùng toàn thể CB CNV Công ty Tân Đại Hưng đã hoàn thành xuất sắc, thể hiện qua các chỉ tiêu như sau:

- Sản lượng bán hàng: đạt 14.975 tấn, tăng 1.545 tấn so với kế hoạch là 13.430 tấn (tương ứng tăng 11,51%).
- Doanh thu bao bì: đạt 622.627 triệu đồng, tăng 58.132 triệu so với kế hoạch 622.627 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 9,34%.
- Chi phí giá vốn: đạt 645.762 triệu đồng, giảm 28.301 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước tỷ lệ giảm 4,20%. Chi phí giá vốn giảm do cơ cấu sản phẩm bán ra nội địa trong năm 2018 tăng đáng kể, tăng 29,56% so với kế hoạch là 1.757 tấn và so với thực hiện cùng kỳ năm trước thì tăng 33,8%, tương ứng tấn 1.669 tấn, bởi sản xuất sản phẩm này đơn giản, qui trình không kéo dài mang đến chỉ tiêu lợi nhuận gộp tăng đáng kể 6.649 triệu đồng, tương ứng tăng 10,85 %.
- Các chỉ tiêu bán hàng và chi phí quản lý năm 2018 so với năm 2017 có tăng bởi Công ty đã đẩy mạnh chi phí marketing
- Doanh thu tài chính năm 2018 so với 2017 tăng 1.816 triệu đồng tương ứng tăng 14,68%, tuy nhiên chi phí tài chính cũng tăng đáng kể do ảnh hưởng tỷ giá Vnd/ Usd trong năm 2018 tăng 9.531 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 2,16%, trong đó chi tiêu lãi vay cũng tương ứng bởi ảnh hưởng kinh tế thế giới và tỷ suất của Fed đã tăng 03 lần trong năm, ảnh hưởng một phần chỉ tiêu lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra.

2) Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm 2018.

- Về Marketing: Bộ phận kinh doanh ngoài phương thức tiếp cận khách hàng vốn có, đã và đang tiếp cận với một số khách hàng mới về vài địa kỹ thuật, bao Jumbo chống lũ.
- Về chính sách lao động: Cải tiến về chính sách tuyển dụng & Chính sách tiền lương, thu hút lao động
- Về Máy móc thiết bị: cùng với đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất sản lượng và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Những sáng kiến cải tiến được thực thi và công nhận khen thưởng hiệu quả:

Công đoạn	TT	Sáng kiến cải tiến năm 2018	Hiệu quả
Kéo sợi	1	Thay thế bánh răng nhựa bằng các cóc bánh răng nhôm tại dàn thâu.	Giảm hư hỏng, giảm sụp đầu giăng nhện và so le chỉ sợi; tiết kiệm vật tư.
	2	Lắp bạc chặn bụi cho các bánh xe sứ đỡ chỉ dàn thâu .	Tăng thời hạn sử dụng , tiết kiệm vật tư.
	3	Lắp đặt bộ ngắt hơi thổi chỉ tự động .	Tiết kiệm sử dụng khí nén tại PX Kéo sợi.
	4	Thay thế hai dàn lô kéo sợi lớn hơn (S5)	Tăng sản lượng 5%.
Dệt	5	Thay vòng đệm cò loại mới .	Tiết kiệm vật tư phụ tùng.
	6	Cải tiến bộ đẩy máy dệt Youngming .	Giảm hao mòn bánh xe thổi, giảm chi phí BTSC.
	7	Cải tiến nẹp thùng nhót máy dệt.	Không còn chảy nhót, hạn chế hao hụt nhót.
Tráng ghép	8	Thay đổi kết cấu trục lô ép máy tráng, trục lô dán máy in Olger.	Hoạt động ổn định, giảm gãy lô so với trục lô cũ.
	9	Cải tiến giàn xuống cuộn 03 máy tráng.	Giúp công nhân dễ dàng xuống vải, giảm hư vải.
In	10	Tách việc pha mực ra khỏi Phân xưởng sản xuất để kiểm soát việc cấp phát mực.	Giảm tồn kho mực đã pha.
	11	Cải tiến quy trình sản xuất bao PP nội địa không tráng từ in cắt cái sang in cuộn và xả trên Pallet.	Giảm công đoạn may tay, giảm giá thành sản xuất..
Cắt	12	Cải tiến máy cắt hình thành máy cắt đục lỗ.	Cắt được đơn hàng bao RMY.
	13	Đổi dàn bù vải từ ly hợp thắng từ sang điều khiển biến tần trên các máy CMTĐ	Khắc phục hiện tượng bao bị hư.
	14	Thay đổi cách cắt trên các máy cắt hình	Tăng sản lượng.
May	15	Cải tiến việc lắp đặt dàn thổi hơi bao (RMY)	Bao không nhăn.
	16	Chế tạo máy may bao nẹp viền.	Tăng năng suất sản lượng so với may tay.

II. Tình hình tài chính

1) Tình hình tài sản

□ So Sánh giá trị tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2018 và cuối kỳ năm trước. (Bảng 3)

TÀI SẢN	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Tăng/giảm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	412.620.711.483	467.385.665.294	13,3%
I.Tiền và các khoản tương tiền	17.862.092.511	41.430.643.779	131,9%
II.Đầu Tư Tài Chính ngắn hạn	91.023.691.389	51.000.000.000	-44,0%
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	151.434.902.435	165.900.223.372	9,6%
IV.Hàng tồn kho	141.870.567.526	201.692.121.582	42,2%
V.Tài sản ngắn hạn khác	10.429.457.622	7.362.676.561	-29,4%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	231.196.924.656	194.991.814.199	-15,7%
I.Các khoản phải thu dài hạn	-	22.930.435.024	
II.Tài sản cố định	63.667.065.602	70.345.638.209	10,5%
III.Bất động sản đầu tư	-	-	
IV.Tài sản dở dang dài hạn	-	-	
IV.Đầu Tư Tài Chính Dài Hạn	72.710.713.499	11.585.699.299	-84,1%
V.Tài sản dài hạn khác	94.819.145.555	90.130.041.667	-4,9%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	643.817.636.139	662.377.479.493	2,9%
NGUỒN VỐN	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Tăng/giảm
A - NỢ PHẢI TRẢ	314.321.799.016	334.641.845.072	6,5%
I.Nợ ngắn hạn	314.321.799.016	334.641.845.072	6,5%
I.Phải trả người bán ngắn hạn	38.726.245.655	38.539.387.663	-0,5%
II.Nợ dài hạn	-	-	
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	329.495.837.123	327.735.634.421	-0,5%
I.Vốn Chủ sở hữu	329.495.837.123	327.735.634.421	-0,5%
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	643.817.636.139	662.377.479.493	2,9%

- Tổng giá trị tài sản cuối năm 2018 so với cuối năm 2017 tăng 18.559 triệu đồng, gồm:
- Chủ yếu giảm các khoản đầu tư tiền gửi ngắn hạn, tăng dự trữ hàng tồn kho nguyên vật liệu chính vì giá nguyên vật liệu cuối năm giảm so với giá đầu năm. Đồng thời với chính sách bán hàng với khách hàng mới, sản phẩm mới, làm cho nợ phải thu cuối năm 2018 so với năm 2017 tăng 14.465 triệu đồng, tương ứng tăng 9,55%.
 - Tài sản dài hạn giảm 36.025 triệu đồng, chủ yếu là giảm các khoản đầu tư dài hạn, để bổ sung vốn lưu động.
- Nguồn vốn và nợ phải trả:
- Tổng nguồn vốn đến 31/12/2018 là 662 tỷ đồng so với năm 2017 là 643 tỷ đồng tăng 2,88%, chủ yếu là đi vay vốn ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất kinh doanh,
 - Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2018 so với năm 2017 giảm 0,55% là do trong năm 2018 chi trả cổ tức 2017 là : 31.903.434.000 đồng với tỷ lệ chi trả 1.500 đồng / cổ phiếu.

2) So Sánh các chỉ số tài chính năm 2018 và năm 2017 (bảng 4)

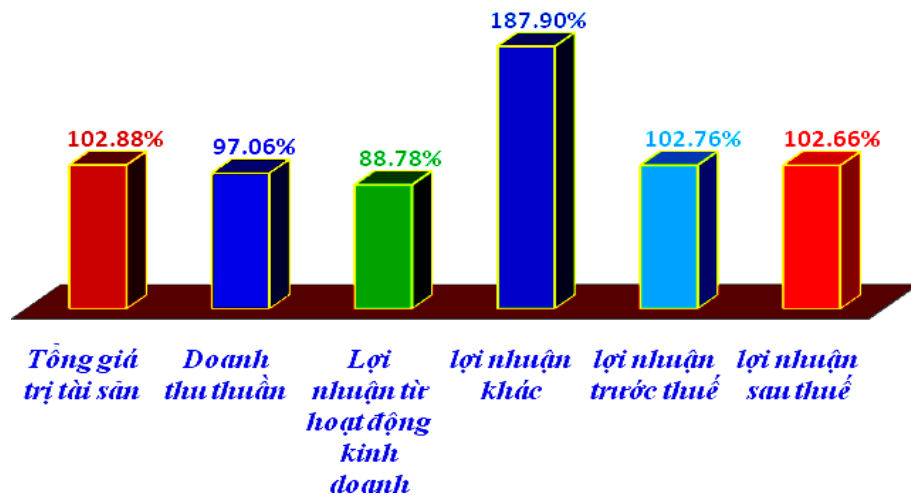
Chỉ tiêu - chỉ số	2017	2018	Ghi chú
Tổng Tài Sản			
▪ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	64,09%	70,56%	Tăng
▪ Tài sản Dài hạn/Tổng tài sản (%)	35,91%	29,44%	Giảm
Nợ phải trả			
▪ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	48,82%	50,52%	Tăng

▪ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	49,74%	49,48%	Giảm
▪ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	95,39%	102,11%	Tăng
Tỷ Số Lợi nhuận			
▪ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên)	3,99%	4,22%	Tăng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	4,56%	4,55%	Bằng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	8,91%	9,20%	Tăng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần	12,02%	12,34%	Tăng
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
▪ Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	1,31	1,40	Tăng
▪ Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền mặt	0,86	0,79	Giảm
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
▪ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ)	6,03	3,76	Giảm
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,14	1,07	Giảm

Tóm lược: trong năm 2018 với tình hình tỷ giá đồng Usd so với đồng việt nam tăng 2,16% và bởi ảnh hưởng của kinh tế thế giới của Fed đã tăng lãi suất vay 03 lần, mỗi lần 0,25% , đã ảnh hưởng đáng kể đến chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận của đơn vị. Mặc dù không đạt như kế hoạch, nhưng so với lợi nhuận thực hiện năm trước thì tăng 780 triệu tương ứng tăng 2,66% , nếu so với kế hoạch năm trước 23 tỷ đồng, thì tăng đáng kể tương ứng tăng 31%.

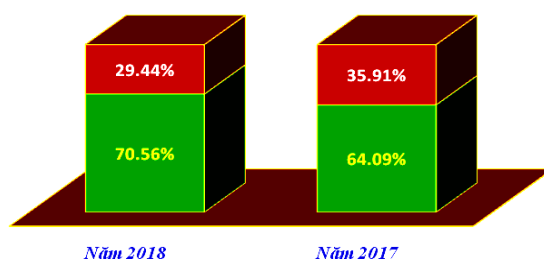
Các biểu đồ so sánh các chỉ số tài chính giữa năm 2018 với năm 2017:

So sánh tình hình tài chính 2018/2017



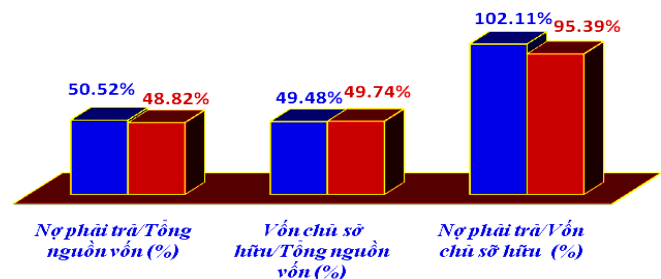
So sánh chỉ số tài sản 2018 với 2017

■ Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%) ■ Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)



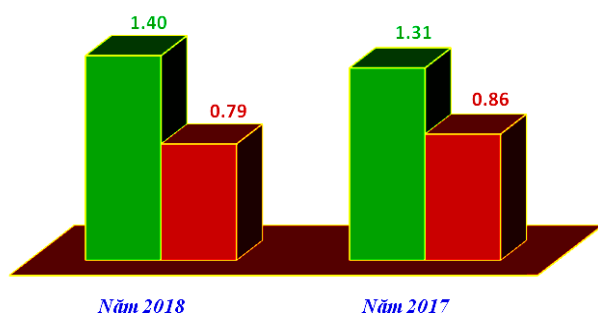
So sánh chỉ số nợ 2018 với 2017

■ Năm 2018 ■ Năm 2017



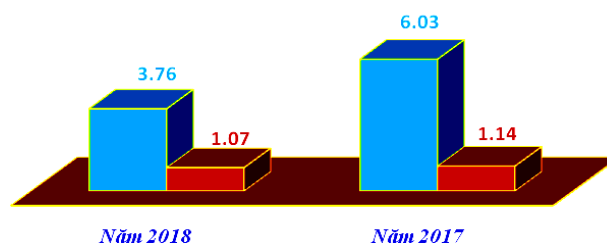
So sánh chỉ số khả năng thanh toán 2018 với 2017

■ Tỷ số khả năng thanh toán nhanh ■ Tỷ số khả năng thanh toán = tiền mặt



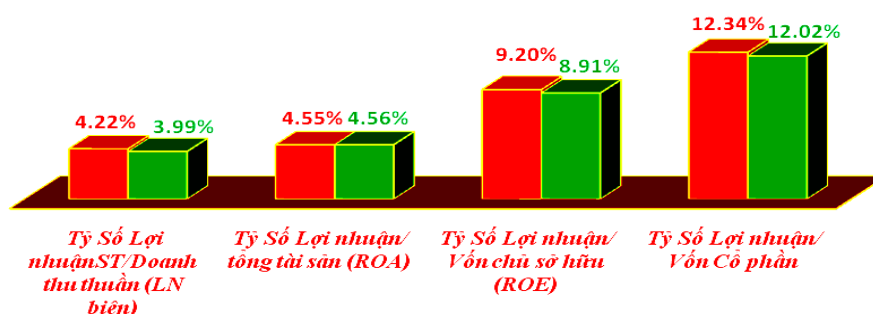
So sánh chỉ số năng lực hoạt động 2018 với 2017

■ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/hàng tồn kho BQ)
■ Doanh thu thuần trên tổng tài sản



So sánh chỉ số khả năng sinh lời 2018 với 2017

■ Năm 2018 ■ Năm 2017



III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2018.

1) Về cơ cấu tổ chức

- Tổ chức lại quy trình sản xuất In cắt (cái) và may sang in cuộn và cắt may tự động: giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất sản lượng. Tổ chức lại việc quản lý mực, dung môi & quy trình cấp phát (theo định mức): giảm chi phí trong sản xuất tại khâu in.
- Tiếp tục quy hoạch sắp xếp, bố trí lại mặt bằng Đóng kiện, LDPT: hợp lý hóa vận chuyển và quá trình sản xuất, nhập kho.
- Sắp xếp quy hoạch lại mặt bằng PX1 & PX4 để bố trí thêm máy Kéo sợi & máy Dệt.
- Cơ cấu lại sắp xếp lại tổ gia công may: chuyển về Bộ phận Kinh doanh cung ứng quản lý (thay vì Bộ phận KHSX quản lý).

2) Về chính sách quản lý

- Rà soát cải tiến lại định mức đối với các công đoạn: LDPT, May PP, May lưới cho phù hợp với thực tế.
- Tiếp tục triển khai các chính sách khen thưởng sáng kiến cải tiến góp phần cải tiến máy móc thiết bị, quy trình SX nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng (khen thưởng cho sáng kiến cải tiến năm 2018 là 118.000.000 đồng tương đương với mức thưởng năm 2017).



Hình ảnh
Lễ Tổng
kết và
Khen
thưởng
thành tích
năm 2018.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1) Những dự báo về môi trường kinh doanh năm 2019

- Tác động của mâu thuẫn địa chính trị, chiến tranh thương mại, Brexit, thay đổi chính sách... làm tất cả khu vực và cường quốc kinh tế đều hạ dự báo tăng trưởng, không loại trừ xuất hiện giai đoạn suy thoái toàn cầu theo chu kỳ. Giá dầu thô tăng nhẹ, kéo theo giá nguyên liệu tăng nhưng sẽ không hơn 6%.
- Tại Việt Nam, kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, thu hút thêm nguồn vốn đầu tư nước ngoài (*cả FDI và FII*), mức tăng trưởng kinh tế tương đương năm 2018, lãi suất và tỷ giá ổn định, lạm phát được kiểm soát chặt và kiềm chế để không vượt quá 6%.
- Ngành nhựa Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, làn sóng M&A và đầu tư FDI và nhất là từ Trung quốc tăng mạnh, các chi phí đầu vào (*nhân công, nguyên liệu nhựa, điện*) của sản xuất đều tăng, áp lực cạnh tranh “kép” ngày càng lớn làm tỷ suất lợi nhuận ngành ngày càng giảm.. Nhà nước sẽ kiểm soát chặt chẽ hơn việc nhập khẩu nhựa phế thải đồng thời có chính sách khuyến khích tái chế nguyên liệu tái sinh từ rác nhựa ngay từ nội địa.

2) Định hướng chung 2019:

- Xác định và tập trung phát triển các giá trị cốt lõi của Tân Đại Hưng như các sản phẩm chủ lực, nguồn khách hàng ổn định và đội ngũ nhân sự tâm huyết để củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh, trở thành doanh nghiệp bao bì có tiềm lực và uy tín nhất Việt Nam.
- Linh hoạt trong tiếp thị và cơ cấu sản phẩm, chào giá cạnh tranh, tìm kiếm khách hàng để nhận đủ đơn hàng theo chỉ tiêu kế hoạch, ưu tiên cho xuất khẩu & lựa chọn đơn hàng hiệu quả.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, duy trì bảo dưỡng tốt máy móc thiết bị, thanh lý máy cũ không hiệu quả nhằm tăng năng suất sản lượng & chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát huy sáng kiến cải tiến liên tục, trong đó chú trọng cải tiến MMTB thiết bị và quy trình sản xuất sản phẩm, hạn chế tối đa việc sử dụng lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh đối tất cả các mặt hàng sản xuất.
- Cải tiến quy trình kiểm soát đơn hàng, cải tiến nâng cấp hệ thống quản lý dữ liệu thống kê sản xuất.
- Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của các phân xưởng sản xuất trong việc kiểm soát tình hình chất lượng sản phẩm.
- Kiểm soát công nợ bán hàng, điều phối hiệu quả dòng tiền không để phát sinh nợ xấu.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các công nghệ mới để tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự & đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Đạt vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2019, gồm : tổng sản lượng bao bì 14.810 tấn, tổng doanh thu bao bì 627,184 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 25 tỷ đồng, tỷ lệ phế/tổng sản lượng $\leq 6\%$.

3) Về hoạt động kinh doanh và cung ứng:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu vải địa kỹ thuật và aquadams vào Mỹ và Eurozone. Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả. Tăng thị phần ở những khách hàng cũ với những khách hàng thanh toán tốt & đầy tiềm năng. Linh hoạt trong việc đàm phán về giá (*chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn*). Ưu tiên máy sản xuất cho những khách hàng lớn để đáp ứng nhanh những đơn hàng gấp, đột xuất.
- Tìm thêm đơn vị gia công vải dệt, để đáp ứng được nhu cầu tăng đột biến của khách hàng khi vào mùa vụ hoặc những tháng cuối năm.
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng, qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.
- Tổ chức cung ứng và gia công đảm bảo tiến độ cung cấp nguyên phụ liệu, gia công đúng kế hoạch.

4) Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:

- Công nghệ:
 - Duy trì giám sát công thức và nguyên liệu sử dụng PX kéo sợi, PX tráng ghép.
 - Cải tiến công thức phối trộn của từng đơn hàng sao cho hiệu quả tùy theo nguồn PP2.
 - Tiếp tục cải tiến thông số kỹ thuật sản phẩm làm tăng sản lượng sản xuất.

- Kết hợp kỹ thuật cơ điện cải tiến khổ dệt trên máy dệt 720 cọc đầu cây, tăng lớn khổ chia đôi hai mảnh cho đơn hàng shopping.
- **Quản lý chất lượng:**
 - Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, phòng ngừa là chính.
 - Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra việc tuân thủ qui định, qui trình đảm bảo chất lượng nội bộ và cung ứng gia công.
 - Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.
 - Giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các bộ phận và đơn vị gia công.
 - Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất.
- **Kỹ thuật Cơ điện:**
 - Lắp đặt 12 máy dệt mới khổ lớn.
 - Tăng năng suất, sản lượng máy sợi S9 mà vẫn hoạt động ổn định.
 - Bảo trì, sửa chữa tốt các máy dệt 12 thoi và 8 thoi AquaDams.
 - Tiếp tục cải tiến năng suất máy cắt nhiều line trên các đơn hàng shopping.
 - Cải tiến máy dệt, dệt được khổ lớn và bổ sung dần quần cuộn thứ hai.
 - Theo dõi và kết hợp kỹ thuật nhà cung cấp hoàn tất các “melt pump” trên các máy kéo sợi.
 - Duy trì hiệu chuẩn các thiết bị đo định kỳ.

5) Về sản xuất và gia công:

- Đảm bảo việc tuân thủ Quy trình sản xuất đã ban hành tại các PX và công đoạn.
- Tuân thủ Hợp triển khai kế hoạch tháng từ ngày 06 – 09 hằng tháng, giao ban sản xuất hằng ngày hội ý nhanh các ý kiến các trưởng bộ phận, quản lý SX để thống nhất các mục tiêu công việc hằng ngày cho thật thuận lợi và nhanh chóng
- Đảm bảo nhân viên kế hoạch điều độ, các bộ phận SX tuân thủ việc báo cáo dữ liệu chính xác, kịp thời và đúng lịch theo qui định cho BGĐ & các Trưởng , các QLPX .
- Đảm bảo giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
- Đảm bảo thực hiện 5S trong tất cả bộ phận sản xuất.
- Tổ chức thực hiện hiệu quả 07 trọng tâm của BPSX : Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (1) Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (2) Giảm lỗi và chống sót lỗi. (3) Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật. (4) Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy. (5) Tiết kiệm điện và nhiên liệu. (6) Giảm phế liệu phế phẩm. (7) Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
- Thực hiện đạt vượt các mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất gia công năm 2019.

6) Về Hành Chính Nhân Sự:

- Tiếp tục phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất: thực hiện đồng thời các giải pháp, kiểm soát giờ giấc làm việc, cải tiến MMTB, công đoạn sản xuất, sắp xếp phân bổ máy hợp lý .v.v.... nhằm tăng năng suất lao động.
- Xây dựng Cơ cấu tổ chức & Chính sách: Phối hợp Bộ phận SX & Kỹ thuật cơ điện tổ chức lại việc nhập liệu tại sản xuất (đầu tư hệ thống phần mềm & chủ động cân nhập liệu bằng điện tử tại các công đoạn sản xuất). Cải tiến tiến hệ thống định mức tại May Shopping. Tham gia cùng Bộ phận Kỹ thuật & sản xuất cải tiến quy trình sản xuất bao Shopping để giảm giá thành sản xuất. Cấu trúc lại Bộ phận Kỹ thuật theo yêu cầu nhiệm vụ mục tiêu Công ty năm 2019.
- Tuyển dụng: Tiếp tục tuyển bổ sung cán bộ quản lý nguồn kế thừa (Kinh doanh, Công nghệ), Bổ sung công nhân may cho kế hoạch năm 2019. Tiếp tục cải tiến hoạt động tuyển chọn và sàng lọc trong tuyển dụng nhằm giảm tỷ lệ bỏ việc trong giai đoạn thử việc & đào tạo.
- Đào tạo: Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm đã được phê duyệt. Đặc biệt chú trọng đào tạo quản lý sản xuất (cấp TTSX, Quản lý Phân xưởng, quản lý kho).
- An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp: Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động, rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLĐ, thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLĐ, thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động . Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLĐ. Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn -VSCN định kỳ hàng tuần. Nhấn mạnh vai trò của quản lý trực tiếp (Tổ trưởng, QLPX) trong công tác đảm bảo ATLĐ-VSCN..

- *Quản lý hành chính & An ninh trật tự:* Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy, tiếp tục nâng cấp đội ngũ bảo vệ. Duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ nhằm mục tiêu đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất an ninh trật tự tại công ty. Nâng cấp máy quét thẻ theo dõi ra vào cổng, nâng cấp đội bảo vệ, triển khai giám sát trên camera. Xây dựng các tiêu chuẩn về trang phục bảo hộ lao động, tăng cường giám sát & xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy định Công ty.

7) *Về tài chính kế toán:*

- Đảm bảo tình hình Tài chính ổn định và lành mạnh. Quản trị các rủi ro về tỷ giá và giá cả các nguyên vật liệu/phụ liệu đầu vào, quản lý các chi phí, chống thất thoát hoặc lãng phí
- Tiếp tục duy trì việc quản lý doanh thu, chi phí, kiểm soát chặt hệ thống Kho và các khoản tồn kho lâu nhằm tránh thất thoát và giảm tồn kho lâu.
- Đầu tư máy vi tính mới cho máy chủ và các máy con. Kết chuyển số liệu cũ mang sang giúp hệ thống xử lý số liệu nhanh chóng và kịp thời.

V. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của kiểm toán công ty A&C năm 2018 *(trong chứng thư bên dưới)*.

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Tóm lược như sau:

1) *Về môi trường:*



Công ty đã và đang chủ động thực hiện :

- Tiết kiệm điện nước để giảm chi phí hoạt động.
- Gia tăng sử dụng vật liệu tái sinh.
- Thu gom 100% chất thải rắn và không xả thải trực tiếp ra môi trường đúng theo các qui định, được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan thẩm quyền.

2) *Về người lao động:*



Nguồn nhân lực được xem là tài sản quý của công ty, được công ty tôn trọng ứng xử theo chuẩn mực văn hóa.

Ban giám đốc đã thực thi đầy đủ các chính sách chăm sóc đãi ngộ chăm lo công ăn việc làm, ổn định và tăng dần thu nhập đối với cán bộ nhân viên và công nhân, tạo điều kiện để xây dựng quan hệ con người lành mạnh, giao lưu vui chơi văn nghệ thể thao, không xảy ra tranh chấp lao động trong năm 2018.

3) *Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*



Ban giám đốc đã xây dựng và duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của các cấp thẩm quyền, tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện tài trợ của chính quyền địa phương *(trụ sở văn phòng và nhà máy)*, nắm vững tình hình và phối hợp thực hiện theo các yêu cầu của địa phương về tình hình ANTT, an toàn giao thông, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.

Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.



Đánh giá tổng thể:

Trong bối cảnh phức tạp của các địa bàn hoạt động và phải đương đầu với cạnh tranh khốc liệt, tổ chức của công ty vẫn ổn định, hoạt động và quan hệ đúng theo điều lệ quy chế, trong khuôn khổ pháp định.

- Quản trị và điều hành công ty luôn bám sát thực thi định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, các bộ phận chức năng đã phát huy tốt vai trò nhiệm vụ.

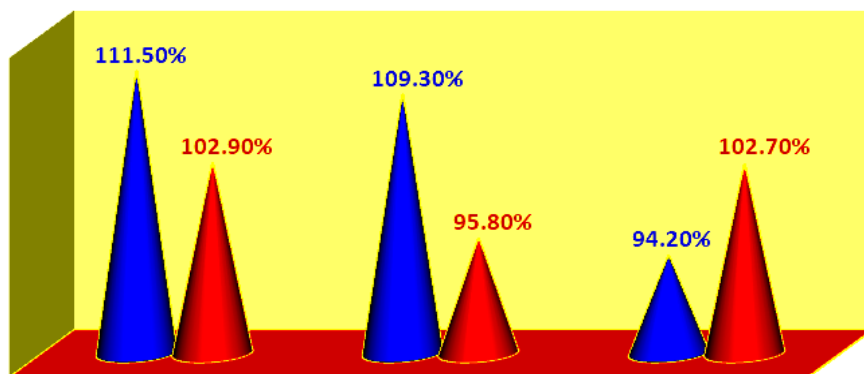
- Phát huy cao tính năng động linh hoạt trong tiếp thị và thay đổi cơ cấu sản phẩm khi khách hàng và thị trường thay đổi.

Những yếu tố nêu trên có ý nghĩa quyết định làm cho công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đạt kết quả tốt các chỉ tiêu hoạt động chủ yếu năm 2018; tài sản và nguồn vốn tăng, tài chính lành mạnh; củng cố và phát triển uy tín thương hiệu và thị phần của công ty.

Năm 2018 cũng là năm thứ tư liên tiếp của nhiệm kỳ HĐQT khóa IV, công ty duy trì sự tăng trưởng mạnh và liên tục. (Tính bình quân theo lao động, sản lượng tăng bình quân 10,7%, doanh thu tăng bình quân 6,7%, lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 49,4% mỗi năm từ 2016 đến hết 2018).

So sánh các kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch 2018

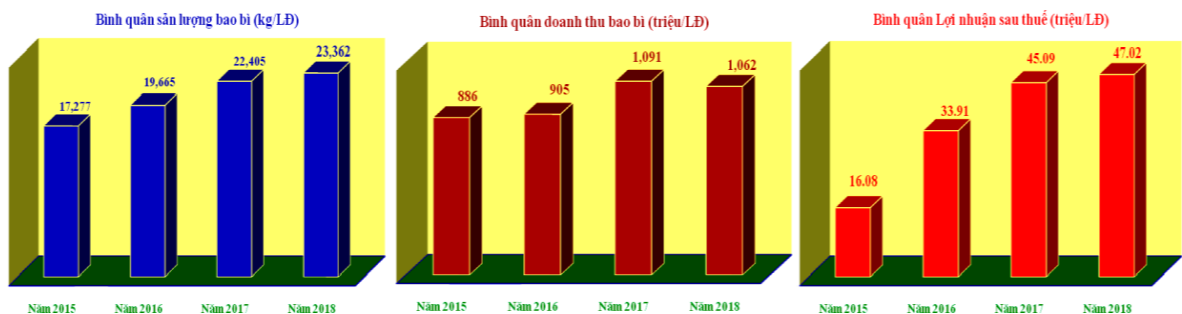
■ So với kế hoạch 2018 ■ So với kết quả 2017



Sản lượng

Doanh thu

LN sau thuế



Biểu đồ các chỉ số phản ánh hiệu quả và tăng trưởng liên tục của công ty từ 2015 đến 2018.

1) Hoạt động kinh doanh và cung ứng gia công đầu vào.

- Liên tục tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng, đẩy mạnh tăng thị phần ở khách hàng cũ. Bắt đầu cung cấp lại sản phẩm bao bì Jumbo (dùng chống sạt lở).
- Phòng kinh doanh đã phối hợp với các bộ phận khác trong công ty vượt qua được tất cả các cuộc đánh giá tiêu chuẩn nhà sản xuất do khách hàng thực hiện. Điều này góp phần giúp Tân Đại Hưng nhận được các đơn hàng bao shopping số lượng lớn của các tập đoàn siêu thị.
- Hoạt động thông tin 2 chiều với khách hàng tiếp tục được tăng cường, thu thập và phân tích những thông tin về thị phần, giá cả, thị trường, đối thủ cạnh tranh để có các chính sách phù hợp và hiệu quả; phản ánh kịp thời mong muốn và yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm để cải tiến và đáp ứng. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, tìm kiếm khách hàng mới và tiềm năng, ưu tiên thị trường xuất khẩu, tăng thị phần những khách hàng cũ và những khách hàng thanh toán tốt và tiềm năng.
- Khai thác thị trường, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đơn hàng và cơ cấu sản phẩm để giữ vững thị phần, sản lượng đạt 111,5%, giúp ổn định sản xuất và gia công; linh hoạt đàm phán về giá, ưu tiên nhận đơn hàng có lợi nhuận cao và số lượng lớn, doanh thu đạt 109,3% chỉ tiêu.
- Cung ứng nguyên liệu vật tư dụng cụ phụ tùng kỹ thuật, gia công vật tư đầu vào đáp ứng yêu cầu kịp thời, chất lượng và chi phí hợp lý.
- Phối hợp với kế toán tài chính thường xuyên theo dõi công nợ bán hàng, thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng, phối hợp với các bộ phận thống nhất đưa ra các giải pháp tối ưu về sản xuất và lợi nhuận.

Đánh giá chung: CBNV phòng kinh doanh cung ứng thể hiện năng động và trách nhiệm cao, thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ và yêu cầu trong kế hoạch kinh doanh năm 2018, gắn kết phối hợp hỗ trợ nhiều mặt đối với các bộ phận sản xuất.

2) Hoạt động đảm bảo chất lượng.

- Tuân thủ những định hướng và chủ trương của Ban Giám đốc, đeo bám thực hiện các mục tiêu, chương trình, kế hoạch; linh hoạt thực hiện những biện pháp trong điều hành và các nhiệm vụ trọng tâm, kiên quyết, triển khai thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng nhận thức chất lượng cho CBCN cũng như các đơn vị gia công.
- Đảm bảo chức năng chuyên trách trong việc hướng dẫn vận hành hệ thống theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; phối hợp tốt giữa nội bộ và bên ngoài nhằm kiểm tra, giám sát hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.
- Phát huy hiệu quả việc cảnh báo chất lượng cho các bộ phận trước khi sản xuất, nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa sự cố chất lượng của cán bộ công nhân, góp phần đảm bảo chất lượng, giảm lãng phí, phế phẩm.
- Tham mưu các biện pháp khắc phục phòng ngừa và xử lý kịp thời các sự cố chất lượng, tăng cường các hoạt động cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Duy trì hiệu quả của phương pháp lấy mẫu kiểm tra theo tiêu chuẩn MIL-STD-105 (Military Standard), giảm thời gian và số lượng mẫu kiểm tra nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.
- Quản lý hiệu quả nguồn lực, phân công, điều động hợp lý.
- Tồn tại: Ý thức chất lượng của một bộ phận quản lý và công nhân chưa đạt, phát sinh những sự cố không đáng có. Một số CBCN (nội bộ và gia công) còn thiếu chủ động, kiên quyết trong việc cải tiến, khắc phục, phòng ngừa triệt để và hiệu quả. Một số sự cố chất lượng xảy ra tuy không lớn nhưng QA không dự đoán trước, giám sát, kiểm tra còn lỏng lẻo chủ quan nên không phát hiện và khắc phục kịp thời để chủ động tham mưu, đề xuất xử lý.

Đánh giá chung: đội ngũ CBNV khá ổn định, hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu trong năm 2018, nâng cao ý thức trách nhiệm về chất lượng của bộ máy sản xuất gia công, góp phần giảm phế, tăng sản lượng, đáp ứng thời hạn giao hàng, phòng tránh khiếu nại của khách hàng.

3) Hoạt động Công nghệ, Kỹ thuật cơ điện.

- Công thức phối trộn (CTPT): Thử nghiệm áp dụng thay đổi CTPT các đơn hàng shopping, và nội địa do biến động nguyên liệu tái sinh PP2 từ nguồn đầu vào. Duy trì liên tục giám sát kế hoạch sử dụng nguyên liệu cho từng đơn hàng, theo dõi số lượng các đơn hàng cấp bù nguyên liệu so với kế hoạch sản xuất. Giám sát kiểm tra việc sử dụng đúng CTPT tại khâu kéo sợi. Thay đổi bản chỉ từ 2,54 mm lên 3,1 mm tăng năng suất dệt.
- Chủ động lên kế hoạch bảo trì chi tiết theo tình trạng máy, phù hợp với kế hoạch SX, và nhân sự. Lên kế tổng thể theo từng nhóm máy, theo từng, theo tháng và theo quý. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Hỗ trợ nguồn nhận sự, vật tư để đảm bảo thực hiện theo kế hoạch cho các PX. Trong trường hợp khẩn cấp, huy động tổng lực để thực hiện. Sửa chữa kịp thời những phát sinh hư hỏng, đánh giá và lựa chọn dòng VTKT thay thế đảm bảo chất lượng và ổn định. Hoạt động cải tiến luôn được gắn liền thường xuyên với hoạt động của Phòng cơ điện.
- Kết hợp cải tiến:
 - Thay các bánh răng nhựa dần thân máy chỉ bằng các bánh răng nhôm, hạn chế hư hỏng chi sụp đầu và giảm chi phí vật tư thay thế; lắp đặt bạc chắn bụi trên các sứ đỡ chỉ trên dần thân, giảm hư hỏng bạc đạn; lắp hệ thống ngắt hơi tự động cho dần thân, hạn chế sử dụng khí nén, giảm điện năng tiêu thụ; thay dần kéo lớn máy S5 tăng năng suất máy kéo sợi lên 20%.
 - Lắp hệ thống thổi hơi hạn chế nhả bao shopping; hệ thống đục lỗ bao shopping không dệt; thu ngắn dần đầu cây máy dệt YongMing. Lắp đặt dần thổi hơi lớn bao shopping; cải tiến in bao nội địa không trắng quần cuộn, giảm công đoạn may tay và giảm chi phí sản xuất.
 - Chuyển đổi dần bù vải từ ly hợp thắng sang điều khiển biến tần trên các máy cắt may tự động, khắc phục hư hỏng bao trong quá trình cắt; tăng thêm line cắt trên máy cắt bất hình, tăng sản lượng cắt bao shopping.
- Phân bổ phụ tải hợp lý đảm bảo hệ số $\cos\psi$ trong giới hạn cho phép > 0.90 ; giám sát kiểm tra sử dụng và an toàn điện theo các định mức và qui định; đảm bảo hệ thống cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

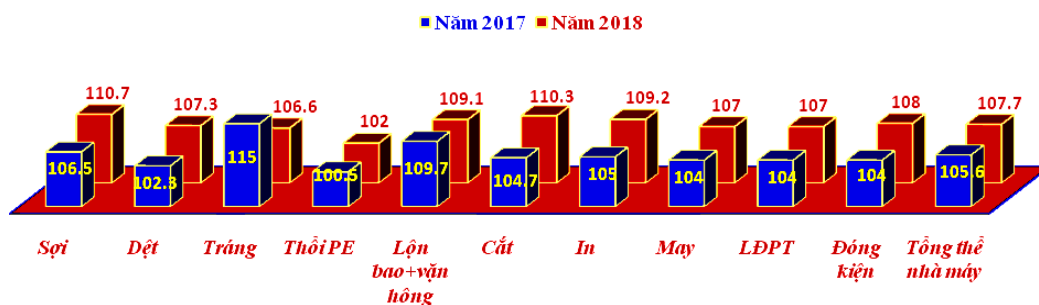
Đánh giá chung : đội ngũ CBNV công nghệ kỹ thuật ổn định, đã hoàn thành rất tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu phục vụ sản xuất trong năm 2017, nhất là trong hoạt động kiểm soát phối trộn nguyên liệu, lắp đặt các MMTB mới và cải tiến các thông số kỹ thuật vận hành MMTB, góp phần rất quan trọng nâng cao hiệu quả sản xuất.

4) Hoạt động sản xuất và gia công sản xuất.

- Hoạt động kế hoạch điều độ sản xuất đã duy trì được sự liên hệ mật thiết giữa bộ phận kinh doanh với sản xuất trong xác định năng lực sản xuất nội bộ và gia công, hoạch định tốt kế hoạch sản xuất, bảo đảm tiến độ giao hàng trước khi ký kết đơn hàng.
- Chế độ triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày đến các PXSX được thực thi nghiêm túc, hoạt động điều độ sản xuất nhìn chung là hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng
- Làm tốt công tác thống kê sản xuất và cung cấp thông tin cần thiết đến các phân xưởng và các bộ phận có nhu cầu. Kiểm tra giám sát kịp thời, phát hiện điều chỉnh nhanh những sai sót về qui trình, sản lượng, chất lượng sản phẩm.
- Năm 2018, trong điều kiện cơ cấu sản phẩm thay đổi, đơn hàng có lúc không đồng bộ, thay thế và lắp đặt thêm nhiều MMTB mới, có những giai đoạn thiếu công nhân phải làm cao đêm, có lúc nghỉ chờ việc do thiếu đơn hàng cục bộ, mặc dù gặp những khó khăn nhưng hoạt động quản trị sản xuất và gia công may đã đạt những kết quả:
 - Năng suất các công đoạn trong qui trình của nhà máy đều đạt cao hơn định mức.
 - Sản lượng tăng 111,5% so với chỉ tiêu, năng suất bình quân đạt 107,7% so với định mức.
 - Không có trường hợp trễ thời hạn giao hàng.
 - Chất lượng: tỷ lệ phản nản khiếu nại sau khi giao hàng giảm so với năm 2017.
 - Tỷ lệ phế/thành phẩm được kèm chế, đạt 5,8% (thấp hơn chỉ tiêu cho phép 6%).

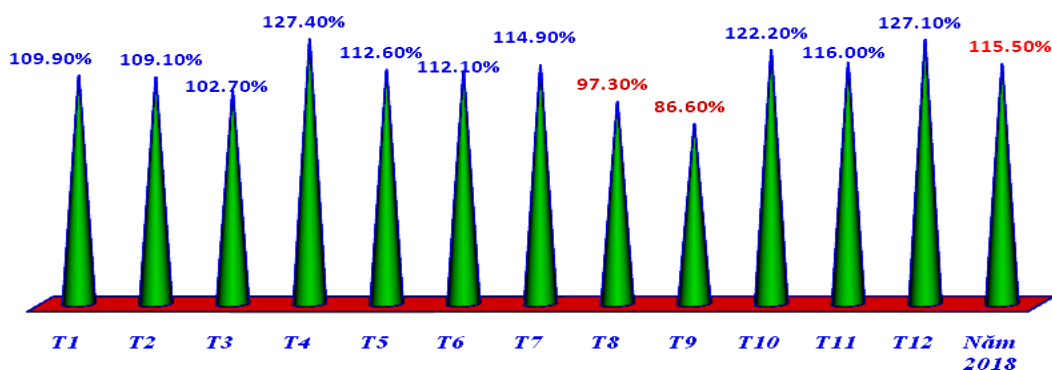
Đánh giá chung: hoạt động sản xuất gia công, CBNV kế hoạch điều độ và các CBQL sản xuất tại các phân xưởng đã hoàn thành xuất sắc vai trò chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu sản xuất năm 2018, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của công ty năm 2018.

Năng suất so với định mức sản lượng (%)



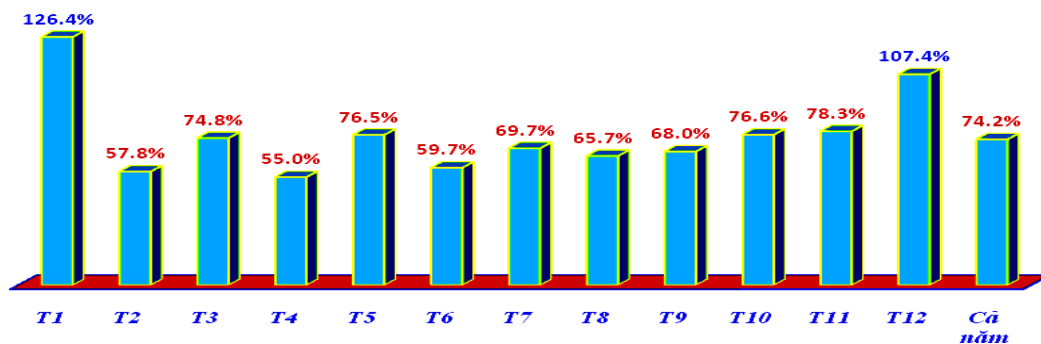
- Định mức lao động đã điều chỉnh tăng nhưng năng suất các khâu vẫn đạt vượt.

Kết quả sản lượng so với kế hoạch điều độ năm 2018



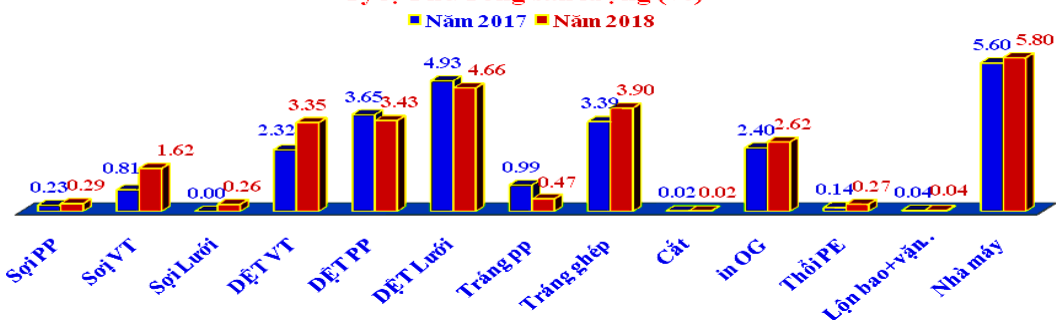
- Trừ 2 tháng đầu quý 3 thiếu đơn hàng (*xuất khẩu*) so với kế hoạch dự kiến, tất cả tháng còn lại đều có đủ đơn hàng và bù cho khiếm khuyết các tháng 8, 9, năm 2018 đạt 115,5% kế hoạch.

So sánh sản lượng gia công may bao shopping 2018/2017



- Đơn hàng bao shopping (*xuất khẩu*) giảm đáng kể trong năm 2018, chỉ đạt 74,2% so với năm 2017. Tuy nhiên vào cuối năm tình hình đã chuyển biến tốt dần lên và gói đầu cho 2019.

Tỷ lệ Phế/Tổng sản lượng (%)



- Tỷ lệ phế/tổng sản lượng năm 2018 là 5,8%, cao hơn năm 2017 (5,60%), chủ yếu do thay đổi cơ cấu sản phẩm, nhưng vẫn thấp hơn so với định mức chỉ tiêu kế hoạch.

5) Hoạt động hành chính và nhân lực.

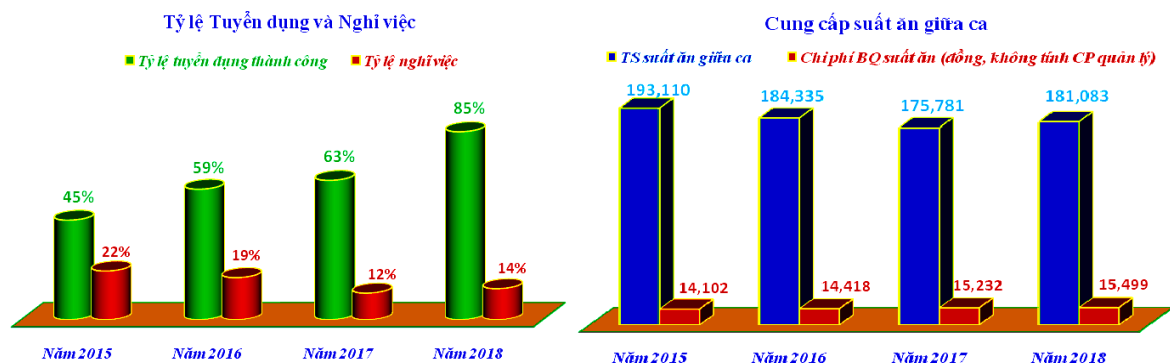
□ Về lĩnh vực Nguồn nhân lực:

- Nhìn chung, công tác tuyển dụng đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân sự cho sản xuất, tỷ lệ nghỉ việc mới đã giảm nhiều so với các năm trước, tuy nhiên cần cải tiến sàng lọc trong quá trình tuyển dụng để nâng cao hiệu quả, giảm lãng phí do bỏ việc trong thời gian đào tạo.
- Do tình hình đơn hàng năm 2018 có nhiều biến động, có những tháng phải bố trí cho công nhân nghỉ chờ việc, những tháng cuối năm đơn hàng lại tăng đột biến, phải tăng ca liên tục vì không thể tuyển dụng kịp thời cho những công đoạn nhiều lao động (*May, LDPT*). Tuyển dụng bổ sung một số vị trí nghiệp vụ kế thừa ở các Bộ phận: Kinh doanh, Công nghệ, Kế hoạch sản xuất.
- Thực hiện các chương trình đào tạo cho công nhân mới, ATLĐ, PCCC, nâng cao tay nghề cho CNSX, chính sách chất lượng được triển khai đầy đủ và nghiêm túc đúng theo nội quy lao động và các qui chế, nhưng một số chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ kho, quản lý cấp trung gian chưa đào tạo trong năm.
- Thực hiện đúng và đủ hệ thống chính sách lao động của công ty, trong đó:
 - Cập nhật định mức kịp thời theo các dự án cải tiến MMTB & quy trình sản xuất, cải tiến chính sách tiền lương một số khâu may, LDPT, ... khuyến khích công nhân vận hành máy tăng năng suất lao động, lập tính lương chính xác và kịp thời.
 - Cung cấp 181,083 suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đầy đủ và không xảy ra lãng phí trong điều kiện tất cả giá lương thực thực phẩm đều tăng so với năm 2017.
 - Tình trạng vi phạm nội quy, quy trình, quy định năm 2018 giảm so với năm 2017. Không có trường hợp nhắc nhở & sa thải, tuy nhiên số trường hợp cảnh cáo tăng so với 2017.

□ Về lĩnh vực hành chính:

- Duy trì việc giám sát ca đêm có ký nhận giữa tổ bảo vệ và các tổ trưởng, kỹ thuật, vận hành hệ thống camera giám sát ANTT, ghi hình các trường hợp vi phạm làm bằng chứng xử lý các vi phạm nội quy qui chế làm việc. Việc kiểm ANTT của Bảo vệ đã được cải thiện nên không xảy ra tình trạng mất trộm nào trong năm 2018. Công tác PCCC thực hiện tốt.
- Số ngày công vắng nghỉ trong năm giảm 668 công so với năm 2017, tuy nhiên vắng chờ việc lại tăng 327 công do thiếu đơn hàng cục bộ (*vào những tháng 7, 8, 9*) so với năm 2017. Tuy nhiên những tháng cuối năm thì lại làm cao điểm liên tục do đơn hàng tăng đột biến.
- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở để đảm bảo an toàn lao động, số vụ TNLĐ năm 2018 là 06 đều là mức xây sát nhẹ (*không phải nghỉ điều trị*), giảm 57% so với 2017.
- Công tác vệ sinh công nghiệp được duy trì thực hiện, Ban 5S thường xuyên kiểm tra hàng tuần & có đánh giá thưởng phạt hàng tháng.
- Tiết kiệm sử dụng vật tư văn phòng phẩm, làm tốt việc điều phối sử dụng xe, kiểm soát lộ trình và định mức xăng dầu phòng tránh lạm dụng, lãng phí.
- Bảo mật những thông tin sản xuất kinh doanh, phòng tránh rủi ro từ hệ thống mạng internet và các quan hệ giao dịch.
- Chủ động duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền sở tại.

Đánh giá chung: Bộ phận HCNS đã hoàn thành tốt vai trò chức năng nhiệm vụ được giao trong năm 2018, nổi bật là nhóm CBNV hành chính và nhà ăn, hoạt động tuyển dụng đào tạo bổ sung công nhân đạt kết quả cao hơn hẳn năm 2018.



6) Hoạt động tài chính và kế toán.

- Về quản lý nhân viên:
 - Bổ sung thay thế 01 nhân viên kế toán xin nghỉ việc vì lý do riêng.
- Quản lý nghiệp vụ kế toán:
 - Kiểm soát chặt chẽ thu chi và thanh toán không xảy ra tình trạng nợ xấu.
 - Quản lý và thường xuyên phân tích nguyên nhân tăng giảm các loại doanh thu, chi phí và có biện pháp xử lý kịp thời.
 - Các báo cáo tài chính và kế toán luôn đúng thời hạn, không có các sai sót trọng yếu.
- Quản lý vốn và dòng tiền:
 - Tình hình tài chính tốt, cân đối thu chi kịp thời. Các khoản chi phí lương, nợ phải trả.. đáp ứng kịp thời tiến độ thanh toán.
- Quản lý và sắp xếp kho bãi:
 - Quản lý kho bãi đã cải tiến và tốt hơn so với năm trước nhưng vẫn cần hoàn thiện và theo dõi sát hơn.

Đánh giá chung: Phòng TCKT đã hoàn thành các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2018 về hoạt động tài chính và kế toán. Hoàn thành vai trò quản trị hệ thống, kiểm soát thông tin và tham mưu với bộ máy điều hành sản xuất kinh doanh.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc luôn sâu sát nắm chắc tình hình tổ chức hoạt động chung của công ty cũng như từng bộ phận và phân xưởng.
- Từng cán bộ quản lý đều thể hiện tốt trách nhiệm, lòng tự trọng và tinh thần hợp tác trong các hoạt động vì lợi ích chung của công ty, tôn trọng các chính sách qui chế qui trình làm việc, phát huy vai trò đầu tàu dẫn dắt bộ phận, triển khai và giám sát kiểm tra các hoạt động thuộc trách nhiệm được phân công.
- Trong các hoạt động, chú trọng bàn bạc, tham vấn, tham mưu trong Ban giám đốc và giữa các giám đốc trưởng bộ phận chức năng (có mở rộng đến các nhân viên nòng cốt khi cần thiết), từ đó phát huy được vai trò và khả năng của cá nhân; các chủ trương và ý định được xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định điều hành nên được cấp dưới và tuyệt đại đa số CBCN có liên quan đồng tình thực hiện.
- Trong tổ chức thực hiện, thể hiện sự năng động, nhạy bén, linh hoạt và sáng tạo, chịu nghiên cứu học hỏi, biết sử dụng các nguồn lực tiết kiệm và hiệu quả, biết đúc kết kịp thời các kinh nghiệm.

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực và hiệu quả hoạt động của Ban giám đốc và các Trưởng bộ phận, đem lại những kết quả tốt trong năm 2018.

Hội đồng quản trị đề nghị Ban giám đốc chú trọng những hoạt động sau đây trong năm 2019:

- 1) Thường xuyên đánh giá định vị các sản phẩm chủ yếu để có những giải pháp, biện pháp củng cố các lợi thế cạnh tranh trong các thị trường mục tiêu.
- 2) Tìm nguồn thông tin nghiên cứu áp dụng công nghệ sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có tính cạnh tranh cao mang đến lợi nhuận cao và các sản phẩm đáp ứng được xu thế thân thiện hơn với môi trường.
- 3) Tiếp tục phát triển công ty theo hướng công nghiệp 4.0, tập trung vào đổi mới thiết bị sản xuất, cơ giới và tự động hóa một số công đoạn thủ công, cải tiến hệ thống dữ liệu và thông tin nội bộ qua internet.
- 4) Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng, xem đây là hai yếu tố cạnh tranh đặc biệt trong giai đoạn tới.
- 5) Đề cao hơn nữa tính chủ động của các trưởng bộ phận, trách nhiệm của từng cán bộ điều hành đối với tổ chức, hoạt động và kết quả trong từng lĩnh vực, bộ phận được giao; biểu dương và khen thưởng kịp thời hơn nữa đề động viên người có thành tích mang đến hiệu quả chung cho công ty và từng lĩnh vực.
- 6) Khắc phục những hạn chế tồn tại (nhất là những vấn đề tuy nhỏ nhưng lặp lại nhiều lần) của các bộ phận chức năng, tiếp tục cải tiến các giải pháp cải thiện kết quả tuyển dụng đào tạo công nhân.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Viễn cảnh năm 2019 cho thấy quan hệ chính trị và trật tự kinh tế thế giới ẩn chứa nhiều thay đổi nhanh, biến động và rủi ro khó lường, sự tinh táo và thận trọng là điều cần thiết của các doanh nghiệp, dù lạc quan nhất, khi hoạt động và kinh doanh xuất nhập khẩu với các thị trường Mỹ, Trung quốc và Eurozone. Nhiều nhà phân tích rất e ngại về sự khởi đầu của một giai đoạn suy thoái kinh tế toàn cầu ngay từ giữa năm 2019.

Các nước ASEAN vốn là các nền kinh tế nhỏ và vừa sẽ chủ động tìm sự liên kết chặt chẽ hơn nữa để phát triển trong nội khối nhằm giảm bớt phụ thuộc vào các siêu cường, biến động về đầu tư, tỷ giá Usd và kim ngạch giao dịch thương mại 2 chiều.



Kinh tế Việt Nam, đã có sự ổn định và gia tăng nội lực, tuy sẽ khó khăn hơn 2018 vì những thay đổi địa chính trị của các khu vực, vì biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường..., nhưng sẽ nối tiếp đà tăng trưởng từ thành tựu những năm qua. Các doanh nghiệp sẽ phải tìm ra cách khai thác cơ hội thị trường khi CPTPP và EVFTA được thực thi và phải chấp nhận sự cạnh tranh cho sinh tồn và phát triển trước sự xâm lấn ồ ạt của hàng hóa từ nguồn FDI và Trung quốc vào thị trường nội địa và xuất khẩu.



Ngành nhựa Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh cho dù 70% nguồn cung nguyên liệu vẫn lệ thuộc nhập khẩu, áp lực cạnh tranh nội bộ ngành và từ khối FDI tiếp tục gia tăng trong khi các chỉ số sinh lợi nói chung đều sẽ giảm. Sẽ có những định chế khắt khe về rác nhựa và tái chế sử dụng nhựa tái sinh. Mỗi doanh nghiệp nhựa, đặc biệt là có qui mô vừa và nhỏ, tùy theo nguồn lực cơ hữu và lợi thế cạnh tranh sẽ phải chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tìm ra hướng đi riêng để phù hợp và hiệu quả nhất.

Với những lợi thế về năng lực sản xuất và khả năng tài chính, kinh nghiệm quản trị và thương trường, đang có một lượng khách hàng truyền thống tương đối ổn định, thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển bền vững trước những biến động khó lường và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Trong năm 2019, HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động sau đây nhằm nâng cao hơn nữa qui mô và hiệu quả hoạt động của công ty:

- 1) Chú trọng năm bắt thông tin, đề cao quản trị rủi ro từ những biến động của thị trường và khách hàng để hạn chế tối đa hệ lụy đến công ty.***
- 2) Mở rộng các quan hệ với các đối tác, tìm cách giới thiệu và hỗ trợ cho Ban giám đốc tìm kiếm và khai thác cơ hội thị trường, trong đó, thúc đẩy tiếp thị một số sản phẩm đang xuất khẩu (vải địa kỹ thuật, aquadams, bao jumbo chống lũ) vào thị trường nội địa.***
- 3) Tìm các cơ hội hợp tác liên kết trong ngành và chuỗi giá trị (trong và ngoài nước), đầu tư vào các dự án dài hạn khác để gia tăng vị thế công ty và hiệu quả sử dụng vốn.***
- 4) Tạo điều kiện tiếp cận, nghiên cứu áp dụng một số công nghệ để phát triển sản phẩm mới.***
- 5) Tiếp tục đầu tư đổi mới và tăng thêm các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm lao động, nguyên liệu và năng lượng.***
- 6) Tạo điều kiện cho đào tạo năng lực quản trị, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thúc đẩy việc phát triển đội ngũ kế thừa.***
- 7) Có những định hướng, ra quyết định kịp thời về chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của công ty luôn hiệu quả.***
- 8) Bổ sung nhân sự của HĐQT nhằm đảm bảo tỷ lệ của thành viên độc lập, bổ nhiệm Tổng giám đốc (Chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm Tổng giám đốc).***
- 9) Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.***
- 10) Đảm bảo quan hệ cổ đông theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của pháp luật.***

Phân V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1) Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 04/03/2019.

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Số lượng cp sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết	Ghi Chú
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	CT HĐQT	27/04/2016	896.700	3,67%	Tái bổ nhiệm
2	Ông Phạm Trung Cang	PCT HĐQT	07/05/2018	3.223.220	13,19%	Tái bổ nhiệm
3	Bà Tôn Thị Hồng Minh	PCT HĐQT	27/04/2016	304.000	1,24%	Tái bổ nhiệm
4	Ông Phạm Văn Mẹo	T/v HĐQT	27/04/2016	35.000	0,14%	Tái bổ nhiệm
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	T/v HĐQT	27/04/2016	127.160	0,52%	Tái bổ nhiệm
6	Ông Nguyễn Văn Hùng	T/v HĐQT	27/04/2016	26.400	0,11%	Tái bổ nhiệm
7	Ông Trần Hữu Vinh	T/v HĐQT	27/04/2016	7.000	0,03%	Tái bổ nhiệm

Nhân sự của HĐQT trong năm 2018 không thay đổi so với năm 2017 nhưng cơ cấu có thêm 01 Phó CTHĐQT.

2) Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội Đồng Quản Trị:



Bà PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- Trình độ: Đại học Chapman Hoa Kỳ, ngành Tài chính Marketing.
- 01 năm làm chuyên viên nghiên cứu thị trường & Phát triển khách hàng Cty Phát triển Địa ốc Continental East Development (Hoa Kỳ).
- 01 năm chuyên viên Quản lý Rủi ro ngân hàng ACB.
- Tham gia và là Chủ Tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2013 đến nay.



Ông PHẠM TRUNG CANG
Phó Chủ tịch HĐQT
Kiểm Tổng Giám Đốc

- Trình độ: Đại Học Kinh tế.
- Sáng lập công ty Tân Đại Hưng từ năm 1978.
- Từ 1993-2007: Chủ tịch kiêm TGD công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- Là một thành viên sáng lập ngân hàng ACB, tham gia quản trị ACB từ khi thành lập đến 2007.
- Thành viên HĐQT Eximbank từ 2007-2013.
- Từ 2007-2013: Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng
- Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng năm 2017, TGD công ty từ 25/01/2019.



Bà TÔN THỊ HỒNG MINH
Phó CTHĐQT
Phó TGD & GD Kinh Doanh.

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kinh doanh công ty từ năm 1997.
- Giám đốc kinh doanh công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2000.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay.



Bà NGUYỄN THỊ THANH LOAN
Thành viên HĐQT
kiêm GD Tài chính

- Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT.
- 09 năm kế toán tổng hợp công ty Tổng hợp quận 6 TPHCM.
- Làm việc tại phòng TCKT công ty và là Kế toán trưởng từ năm 1993.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay.



Ông PHẠM VĂN MỆO
Thành viên HĐQT- PTGD
kiêm GD Nhà máy (công ty con: Công ty TNHH TĐH).

- Trình độ: Trung cấp Hành chính.
- Hoạt động trong ngành bao bì nhựa từ 1983.
- Phó TGD Công ty từ 1993-2007.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông NGUYỄN VĂN HÙNG
Thành viên HĐQT

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Tham gia quản trị doanh nghiệp từ 1990.
- Phó TGD kiêm Giám đốc HCNS công ty 2005-2007
- PCT HĐQT kiêm TGD công ty từ 2007 đến 2013.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông TRẦN HỮU VINH
Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc SX và gia công.

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kế hoạch sản xuất công ty từ năm 1999.
- Giám đốc SX công ty từ năm 2007.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.

3) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:.

HĐQT công ty không có tiểu ban.

4) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT hoạt động đúng theo điều lệ công ty, tập trung vào các lĩnh vực: thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2018, chiến lược kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, đánh giá tình hình kết quả hoạt động công ty năm 2018 và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong các quý năm 2018.
- Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT (cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia

trong hoạch định, quyết định các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.

- HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 07/05/2018 đúng theo luật pháp và điều lệ công ty.
- Trong năm qua, HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
 - Nhận định, dự báo, đánh giá và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
 - Quyết định chủ trương sử dụng ngoại tệ, thay đổi đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất, cải tiến chế độ lương sản phẩm, tăng năng suất lao động, duy trì hệ thống gia công, định mức tồn kho nguyên vật liệu, chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
 - Quyết định chính sách và chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích hiệu quả làm việc và thừa nhận thành tích của cán bộ nhân viên và công nhân.
 - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2017 theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 07/05/2018.
 - Thực hiện đầy đủ các qui định về báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền.
- Hội đồng quản trị luôn luôn đồng hành cùng với các hoạt động Công ty như bám sát tình hình sản xuất kinh doanh qua các buổi họp đánh giá hàng tháng và hàng quý của Ban Giám đốc, đưa ra những đánh giá, dự báo, định hướng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty.
- **Các cuộc họp hội đồng quản trị trong năm 2018:**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Chủ tịch	02/07	28,57%	Nghỉ hộ sản
2	Ông Phạm Trung Cang	Phó CT	07/07	100%	
3	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó CT	07/07	100%	
4	Ông Phạm Văn Mẹo	Thành viên	07/07	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	07/07	100%	
6	Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	07/07	100%	
7	Ông Nguyễn Văn Hùng	TV độc lập	07/07	100%	

- **Các nghị quyết của HĐQT thực hiện trong năm 2018.**

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT.2018	24/01/2018	Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động quý 4/2017, Xác lập phương hướng mục tiêu kế hoạch kinh doanh cốt lõi năm 2018 và các nhiệm vụ trọng tâm quý 01/2018.
2	02/NQ.HĐQT.2018	02/03/2018	Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, Chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2018. Thông qua báo cáo thường niên 2018.
3	03/NQ.HĐQT.2018	04/04/2018	Thông qua Văn bản của Bà CT HĐQT, ủy nhiệm cho Phó CT HĐQT, đề triệu tập cổ đông tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018. Thông qua các tờ trình ĐHCĐ thường niên 2018.
4	04/NQ.HĐQT.2018	23/04/2018	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 01/2018, thông qua báo cáo tài chính quý Hợp nhất 01/2018, xác lập phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh quý 02/2018.
5	01/NQ.ĐHĐCĐ.2018	07/05/2018	Tổ Chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2018, Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018, phương án chi trả cổ tức, và các tờ trình khác có liên quan.
6	05/NQ.HĐQT.2018	08/08/2018	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm, thông qua báo cáo bán niên đã soát xét, phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm.
7	06/NQ.HĐQT.2018	16/10/2018	Đánh giá kết quả kinh doanh 09 tháng, thông qua kết quả kinh doanh quý 03/2018, Giải trình phúc đáp công văn về quản trị, xác định phương hướng hoạt động quý 04/2018.

HDQT triển khai nghiêm túc các nghị quyết, quá trình thực hiện có sự phối hợp với ban kiểm soát và sâu sát nắm vững tình hình tổ chức hoạt động của bộ máy điều hành và của các lĩnh vực chức năng, kết quả thực hiện tốt các nghị quyết trong năm dẫn đến hiệu quả tốt của công ty năm 2018.

5) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (chỉ có 01 thành viên HDQT độc lập).

- ☐ Không tham gia vào hoạt động điều hành.
- ☐ Tham gia đầy đủ và nêu ý kiến tham gia biểu quyết trong các cuộc họp HDQT, góp ý vào các hoạt động của HDQT và của công ty, góp ý vào các văn bản của HDQT.

6) Không có thành viên HDQT tham gia đào tạo về quản trị công ty trong năm 2018.

II. Ban Kiểm soát

1) Danh sách Thành viên và của Ban Kiểm Soát (BKS) và tỷ lệ sở hữu cổ phần :

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số lượng cp sở hữu cp có quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	27/04/2016	2.050	0,01%
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Thành viên	27/04/2016	33.600	0,14%
3	Ông Nguyễn Thanh Dũng	Thành viên	27/04/2016	0	0%

Cơ cấu và nhân sự BKS trong năm 2018 không thay đổi so với năm 2017.

Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm Soát

 Ông LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA <i>Trưởng Ban Kiểm Soát</i> ☐ Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT. ☐ Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1999. ☐ Kế toán trưởng công ty TNHH TĐT từ 2006. ☐ Tham gia Ban kiểm soát từ năm 2007.	 Bà ĐÀO THANH TUYỀN <i>Thành viên Ban kiểm soát</i> ☐ Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT. ☐ Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1998. ☐ Thành viên HDQT từ 2007-2011 ☐ Thành viên Ban kiểm soát từ 2012 đến nay.	 Ông NGUYỄN THANH DŨNG <i>Thành viên Ban kiểm soát</i> ☐ Trình độ: Đại Học Công nghệ Kỹ thuật. ☐ Làm việc tại công ty từ năm 2000, phụ trách về công nghệ kỹ thuật sản xuất ☐ Thành viên Ban kiểm soát từ năm 2016.
---	--	--

2) Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018

a) Ban Kiểm Soát đã tham gia các buổi dự họp với các thành viên HDQT :

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	07/07	100%	
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Thành viên	07/07	100%	
3	Ông Nguyễn Thanh Dũng	Thành viên	07/07	100%	

Kết quả các cuộc họp với HĐQT :

- ☐ HĐQT đã chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Cty.
- ☐ Nội dung các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong năm 2018 được thực thi, công bố thông tin theo các Quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- ☐ Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và hoàn thành khá tốt các chỉ tiêu đặt ra dù thị trường xuất khẩu biến động.

b) BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp với BGĐ Cty hàng tháng

Kết quả các cuộc họp với BGĐ :

- ☐ BGĐ tuân thủ điều lệ và quy chế nội bộ Cty trong việc quản lý và điều hành.
- ☐ BGĐ đã triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo định hướng của HĐQT.
- ☐ Hàng tháng, BGĐ tiến hành họp để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng, tình hình sử dụng vốn, phân tích nguyên nhân tăng giảm các chỉ tiêu tài chính.

c) Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

- ☐ Thực hiện theo đúng chức năng, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp, tham gia các cuộc họp của HĐQT Công ty.
- ☐ Kiểm tra báo cáo tài chính từng quý, xem xét tính hợp lý, hợp pháp các qui trình, qui chế nội bộ của Công ty

d) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- ☐ Thường xuyên phối hợp, trao đổi thảo luận giữa BKS và HĐQT, Ban giám đốc và các trưởng phòng ban
- ☐ Biên bản họp HĐQT của Công ty đều được gửi đến các thành viên ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.

e) Đánh giá báo cáo sơ kết, báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán:

- ☐ BKS đã phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.
- ☐ Về báo cáo tài chính năm 2018 của công ty : đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo này phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .
- ☐ Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- ☐ Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

f) Đánh giá chung hoạt động của BKS :

- ☐ Trong năm 2018, BKS đã hoàn thành chức năng kiểm tra và giám sát các hoạt động của HĐQT và BGĐ Cty.
- ☐ HĐQT và BGĐ Cty đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực thi nhiệm vụ.

3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của BKS:

- a) Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.
- b) Không có Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.
- c) Không có Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty : HĐQT và BGĐ Cty đã thực hiện các quy định về quản trị Cty. Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT và BGĐ được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT và BGĐ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

4) Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

- BKS sẽ tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua, để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.
- Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính quý, 06 tháng và cả năm của công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGĐ để nắm bắt và đánh giá chính xác hoạt động SXKD của công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- Thực hiện các công tác khác theo quy định.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

1) Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

Stt	Tên cá nhân	Chức vụ	Số tiền thù lao năm 2018 (VNĐ)	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
1	Phạm Đỗ Diễm Hương	CT.HĐQT	120.000.000	
2	Tôn Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT	120.000.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên HĐQT	120.000.000	
4	Phạm Văn Mẹo	Thành viên HĐQT	120.000.000	
5	Phạm Trung Cang	Thành viên HĐQT	120.000.000	
6	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000	
7	Trần Hữu Vinh	Thành viên HĐQT	120.000.000	
Ban kiểm soát				
1	Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng BKS	100.000.000	
2	Đào Thanh Tuyền	Thành viên BKS	100.000.000	
3	Nguyễn Thanh Dũng	Thành viên BKS	100.000.000	
Tổng cộng			1.140.000.000	

2) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:

Không có giao dịch trong năm 2018.

3) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có giao dịch trong năm 2018.

4) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- HĐQT và BGĐ Cty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Cty.
- Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.
- HĐQT phân công người duy trì quan hệ với Sở Giao dịch chứng khoán, thường xuyên trao đổi thông tin và tham vấn khi cần thiết, cử người tham dự các cuộc họp và các khóa học, thực hiện đúng và đủ chế độ báo cáo đến Sở GDCK TPHCM và UBCKNN.

Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý Kiến Kiểm toán



Số: 1.0344/19/TC-AC

Head Office 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472.972 Fax: 028. 3. 5472.970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3. 736.7879 Fax: 024. 3. 736.7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3. 876.555 Fax: 0258. 3. 875.327 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3. 764.995 Fax: 0292. 3. 764.996 kttv.ct@a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 01 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Minh Tiến - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1182-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2019



II. Báo cáo tài chính 2018 được kiểm toán bởi công ty A&C

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		467.385.665.294	412.620.711.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.430.643.779	17.862.092.511
1. Tiền	111		14.558.921.557	17.862.092.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.871.722.222	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.000.000.000	91.023.691.389
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	51.000.000.000	91.023.691.389
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.900.223.372	151.434.902.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	155.190.323.103	140.264.617.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.353.202.687	3.080.078.710
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	8.650.965.722	9.384.473.902
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7, V.19	(1.294.268.140)	(1.294.268.140)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		201.692.121.582	141.870.567.526
1. Hàng tồn kho	141	V.8	201.692.121.582	141.870.567.526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.362.676.561	10.429.457.622
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.686.151.516	387.589.364
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.676.525.045	10.041.231.103
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	637.155
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

030
C
ẤCH
M T
A
7/1/18

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		194.991.814.199	231.196.924.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.930.435.024	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	22.930.435.024	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		70.345.638.209	63.667.065.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	70.345.638.209	63.667.065.602
- Nguyên giá	222		159.119.725.135	143.902.402.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.774.086.926)	(80.235.336.765)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		164.800.000	164.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.800.000)	(164.800.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.585.699.299	72.710.713.499
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	12.393.326.995	17.058.831.352
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(807.627.696)	(2.848.117.853)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	58.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		90.130.041.667	94.819.145.555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	90.130.041.667	94.819.145.555
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		662.377.479.493	643.817.636.139

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		334.641.845.071	314.321.799.015
I. Nợ ngắn hạn	310		334.641.845.071	314.321.799.015
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	38.539.387.662	38.726.245.655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	5.764.795.463	2.733.790.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.258.863.013	3.166.627.296
4. Phải trả người lao động	314	V.14	11.007.220.184	10.100.231.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	566.148.576	326.475.398
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.498.377.272	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	13.930.439.702	2.610.897.472
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	257.076.613.199	256.657.530.555
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15/12/2018
Y
DUY
DUY
DUY

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

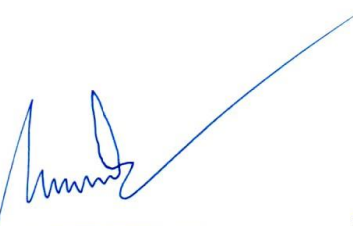
Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

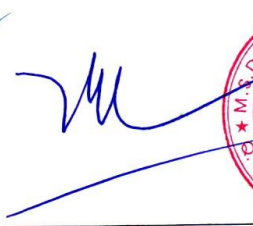
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

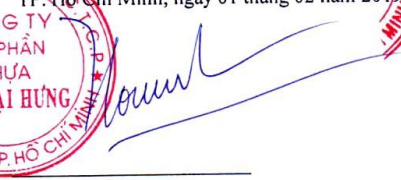
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.735.634.422	329.495.837.124
I. Vốn chủ sở hữu	410		327.735.634.422	329.495.837.124
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	86.242.518.451	86.242.518.451
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.18	(40.632.476.860)	(40.632.476.860)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	37.819.632.831	39.579.835.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.676.401.533	3.817.119.874
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		30.143.231.298	35.762.715.659
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		662.377.479.493	643.817.636.139


Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019


Tôn Thị Hồng Minh
 Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	713.685.054.261	735.337.164.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	713.685.054.261	735.337.164.685
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	645.762.638.681	674.064.403.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.922.415.580	61.272.761.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.191.292.433	12.374.446.398
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.339.244.527	4.807.583.146
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.328.364.460	5.094.860.736
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.692.963.160	15.889.355.021
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.936.254.349	21.248.222.243
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.145.245.977	31.702.047.493
12. Thu nhập khác	31	VI.7	9.804.084.239	5.262.094.725
13. Chi phí khác	32		26.656.515	58.542.778
14. Lợi nhuận khác	40		9.777.427.724	5.203.551.947
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.922.673.701	36.905.599.440
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.779.442.403	7.542.883.781
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>30.143.231.298</u>	<u>29.362.715.659</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>30.143.231.298</u>	<u>29.362.715.659</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.417</u>	<u>1.381</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.417</u>	<u>1.381</u>



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019

Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.922.673.701	36.905.599.440
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	9.872.972.695	9.184.326.577
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(2.040.490.157)	(1.214.891.550)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(1.831.827.066)	171.830.217
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(7.528.972.358)	(12.133.612.087)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.328.364.460	5.094.860.736
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.722.721.275	38.008.113.333
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(59.233.596.618)	(75.450.436.929)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(59.821.554.056)	(60.043.737.998)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		52.757.537.873	47.512.590.414
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.390.541.736	5.650.141.289
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15, VI.4	(7.280.054.620)	(4.963.551.338)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(4.700.000.000)	(4.744.609.507)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.164.404.411)	(54.031.490.736)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.II	(19.645.015.666)	(25.429.931.063)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.7	120.000.000	590.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(23.500.000.000)	(185.523.691.389)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	121.023.691.389	220.744.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.472.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	9.495.253.608	11.182.963.414
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		90.966.429.331	21.563.340.962

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	471.438.593.954	453.457.455.834
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(475.709.878.449)	(443.461.689.113)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, V.18	(31.832.868.000)	(14.713.788.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.104.152.495)	(4.718.022.079)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.697.872.425	(37.186.171.853)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17.862.092.511	54.995.857.156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(129.321.157)	52.407.208
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	41.430.643.779	17.862.092.511



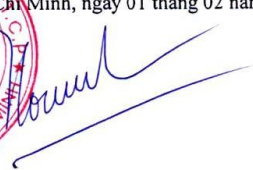
Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019



Tôn Thị Hồng Minh
Phó Tổng Giám đốc

449
NG
HIỆM
ÁN VỊ
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán, sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TĐH có trụ sở chính tại C11 - C15, Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 639 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 640 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

12

15-C
TỶ
LIÊN HI
TƯ V
C
ĐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hằng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê nhà xưởng,.... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê nhà xưởng

Chi phí thuê nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

16

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

49815
CÔNG TY
HỆM HỮU
H VÀ TU
& C
P. PHỐ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	190.014.921	50.266.142
Tiền gửi ngân hàng	14.368.906.636	17.811.826.369
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	26.871.722.222	-
Cộng	41.430.643.779	17.862.092.511

Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 26.871.722.222 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	51.000.000.000	51.000.000.000	91.023.691.389	91.023.691.389
Tiền gửi có kỳ hạn	51.000.000.000	51.000.000.000	91.023.691.389	91.023.691.389
Dài hạn	-	-	58.500.000.000	58.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	58.500.000.000	58.500.000.000
Cộng	51.000.000.000	51.000.000.000	149.523.691.389	149.523.691.389

Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 51.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Chợ Lớn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	198.949	-	198.949	198.949	-	198.949
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	2.393.128.046	(807.627.696)	1.585.500.350	7.058.632.403	(2.848.117.853)	4.210.514.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Hạ tầng Á Châu	10.000.000.000	-		10.000.000.000	-	10.000.000.000
Cộng	12.393.326.995	(807.627.696)	1.585.699.299	17.058.831.352	(2.848.117.853)	14.210.713.499

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.848.117.853	4.063.009.403
Hoàn nhập dự phòng	(2.040.490.157)	(1.214.891.550)
Số cuối năm	807.627.696	2.848.117.853

3. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	24.518.068.500	24.523.326.500
Công ty TNHH Đại Hưng	24.517.040.000	24.517.040.000
Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng	-	6.286.500
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc	1.028.500	-
Phải thu các khách hàng khác	130.672.254.603	115.741.291.463
Yomizo Trading	22.310.049.624	17.535.584.962
Aqua Dam	38.798.101.936	52.108.382.404
Phải thu các khách hàng khác	69.564.103.043	46.097.324.097
Cộng	155.190.323.103	140.264.617.963

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

22

815-C
TY
HỮU HẠ
À TƯ V
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Khoản phải thu dài hạn Aqua Dam.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Service Thread	2.004.479.998	2.118.475.719
Các nhà cung cấp khác	348.722.689	961.602.991
Cộng	2.353.202.687	3.080.078.710

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho Công ty TNHH Bao bì Nhựa Thái Hà vay với lãi suất 8%/năm.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.615.918.355	-	1.456.203.277	-
Phải thu tiền mua quyền sử dụng đất dự án đất Tân Đô	4.518.845.456	-	4.518.845.456	-
Lãi tiền cho vay	16.163.385	-	-	-
Tiền lãi có kỳ hạn dự thu	2.200.290.313	-	3.109.730.591	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	299.748.213	-	299.694.578	-
Cộng	8.650.965.722	-	9.384.473.902	-

7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân						
Sản xuất Thương mại						
Dịch vụ Thành Phú –						
Phải thu tiền bán hàng						
Trên 03 năm		1.294.268.140	-	Trên 03 năm	1.294.268.140	
Cộng		1.294.268.140	-		1.294.268.140	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.294.268.140	2.941.126.632
Xóa số khoản dự phòng	-	(1.646.858.492)
Số cuối năm	1.294.268.140	1.294.268.140

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	12.098.806.025	-	15.543.938.055	-
Nguyên liệu, vật liệu	57.058.741.705	-	33.279.482.827	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	123.764.498.176	-	67.242.687.814	-
Thành phẩm	8.449.145.320	-	14.805.483.916	-
Hàng hóa	320.930.356	-	10.998.974.914	-
Cộng	201.692.121.582	-	141.870.567.526	-

Hàng tồn kho trị giá 25.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17a).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.130.041.667	797.356.963
Chi phí thuê nhà xưởng	88.000.000.000	94.000.000.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	21.788.592
Cộng	90.130.041.667	94.819.145.555

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.620.079.680	125.806.459.182	13.131.785.673	344.077.832	143.902.402.367
Mua trong năm	-	12.189.363.637	4.362.181.665	-	16.551.545.302
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.334.222.534)	-	(1.334.222.534)
Số cuối năm	4.620.079.680	137.995.822.819	16.159.744.804	344.077.832	159.119.725.135
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.560.079.680	49.586.265.947	464.853.088	344.077.832	53.955.276.547
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.284.413.018	68.783.408.401	6.823.437.514	344.077.832	80.235.336.765
Khấu hao trong năm	212.000.004	7.957.227.258	1.703.745.433	-	9.872.972.695
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.334.222.534)	-	(1.334.222.534)
Số cuối năm	4.496.413.022	76.740.635.659	7.192.960.413	344.077.832	88.774.086.926
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	335.666.662	57.023.050.781	6.308.348.159	-	63.667.065.602
Số cuối năm	123.666.658	61.255.187.160	8.966.784.391	-	70.345.638.209
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	5.040.090.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Thiên Phúc Lộc	-	5.040.090.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	-	33.686.155.655
Mitsubishi Corporation	3.620.331.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Opec	3.267.900.000	-
Công ty TNHH Bao bì Tấn Phong	-	4.740.813.000
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	-	5.356.500.000
Các nhà cung cấp khác	31.651.156.662	23.588.842.655
Cộng	38.539.387.662	38.726.245.655

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ly Eco Co., Ltd.	2.782.231.464	1310853720
Hummingbag Co., Ltd.	1.647.566.792	-
Các khách hàng khác	1.334.997.206	1.422.936.962
Cộng	5.764.795.463	2.733.790.682

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	986.513.983	(986.513.983)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33.741.104	-	3.931.629.229	(3.965.370.333)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.240.546	-	40.420.874	(41.661.420)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.131.645.646	-	7.779.442.403	(4.700.000.000)	6.211.088.049	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	637.155	1.769.081.122	(1.720.669.003)	47.774.964	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	3.166.627.296	637.155	14.513.087.611	(11.420.214.739)	6.258.863.013	-

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Hàng hóa tiêu thụ trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.922.673.701	36.905.599.440
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	974.538.311	808.819.469
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	38.897.212.012	37.714.418.909
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.779.442.403	7.542.883.781

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 13 còn phải trả.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	374.785.238	326.475.398
Chi phí khác	191.363.338	-
Cộng	566.148.576	326.475.398

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	11.300.000.000	-
Ông Phạm Trung Cang – tiền mượn phải trả	11.300.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.630.439.702	2.610.897.472
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.229.074.742	903.594.515
Cổ tức phải trả	1.288.564.960	1.217.998.960
Trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô	112.800.000	403.438.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	85.865.247
Cộng	13.930.439.702	2.610.897.472

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾</i>	97.764.916.000	99.969.420.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	41.082.444.000	67.813.008.143
<i>Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	18.382.288.000	21.562.009.500
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn ^(iv)</i>	69.888.225.200	60.134.916.112
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ^(v)</i>	29.958.739.999	7.178.176.800
Cộng	257.076.613.199	256.657.530.555

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Công ty TNHH Đại Hưng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.1 và V.2a).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26

4498
ĐỒNG T
NHIỆM H
ÁN VÀ
& I
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng tồn kho của Công ty (xem thuyết minh số V.6).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Chợ Lớn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.1 và V.2a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	256.657.530.555	246.627.445.351
Số tiền vay phát sinh	471.438.593.954	453.457.455.834
Số tiền vay đã trả	(475.709.878.449)	(443.461.689.113)
Chênh lệch tỷ giá	4.690.367.139	34.318.483
Số cuối năm	257.076.613.199	256.657.530.555

17b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	25.133.764.350	315.049.765.941
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	29.362.715.659	29.362.715.659
Chia cổ tức	-	-	-	(14.888.269.200)	(14.888.269.200)
Giảm khác	-	-	-	(28.375.276)	(28.375.276)
Số dư cuối năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	39.579.835.533	329.495.837.124
Số dư đầu năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	39.579.835.533	329.495.837.124
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	30.143.231.298	30.143.231.298
Chia cổ tức	-	-	-	(31.903.434.000)	(31.903.434.000)
Số dư cuối năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	37.819.632.831	327.735.634.422

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	33.825.900.000	33.825.900.000
Ông Phạm Trung Cang	32.232.200.000	32.232.200.000
Các cổ đông khác	178.247.860.000	178.247.860.000
Cộng	244.305.960.000	244.305.960.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

27

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.430.596	24.430.596
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.430.596	24.430.596
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.430.596	24.430.596
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.161.640)	(3.161.640)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(3.161.640)	(3.161.640)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.268.956	21.268.956
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.268.956	21.268.956
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07 tháng 5 năm 2018 với số tiền 31.903.434.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**19a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	500.542,39	688.948,37
Euro (EUR)	20,87	20,87

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Công ty FOKUS - H.S.R.O với số tiền 77.513,81 USD, tương đương 1.646.858.492 VND đã được xóa sổ do đã quá hạn trên 03 năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu	28.874.882.850	18.169.370.043
Doanh thu bán thành phẩm	679.287.340.351	710.260.312.439
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.223.831.060	5.385.082.203
Doanh thu khác	299.000.000	1.522.400.000
Cộng	713.685.054.261	735.337.164.685

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Đại Hưng Thịnh		
Bán hàng hóa	-	5.592.810.000
Thu hộ tiền điện	-	5.440.961
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc		
Bán hàng hóa	3.011.135.000	-
Thu hộ tiền điện, nước	54.826.000	31.266.707
Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng		
Thu hộ tiền điện	6.286.500	65.012.583

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán	26.838.380.168	17.944.059.697
Giá vốn của thành phẩm đã bán	613.535.137.171	649.902.404.550
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.218.964.367	5.409.038.857
Giá vốn khác	170.156.975	808.900.076
Cộng	645.762.638.681	674.064.403.180

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.565.812.330	11.543.612.087
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	49.274.246	36.775.811
Lãi tiền cho vay	36.164.385	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	(1.193.004.357)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.091.271.307	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.363.657.604	102.419.050
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.278.116.918	691.639.450
Cộng	14.191.292.433	12.374.446.398

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.328.364.460	5.094.860.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.421.518.878	653.364.694
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	531.830.538	274.249.267
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	50.781.150	(1.214.891.551)
Chi phí tài chính khác	6.749.501	-
Cộng	14.339.244.527	4.807.583.146

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	53.693.591	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.685.506	100.282.728
Chi phí vận chuyển	14.335.184.248	15.519.894.859
Chi phí hoa hồng môi giới	208.494.600	228.280.550
Các chi phí khác	1.991.905.215	40.896.884
Cộng	16.692.963.160	15.889.355.021

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.839.623.238	14.990.762.961
Chi phí vật liệu quản lý	1.293.282.675	549.078.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.446.357.219	779.097.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.403.514.591	1.207.300.469
Các chi phí khác	3.953.476.626	3.721.982.933
Cộng	22.936.254.349	21.248.222.243

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	120.000.000	590.000.000
Thu nhập tiền trực in	9.683.097.660	3.807.515.363
Các khoản thu nhập khác	986.579	864.579.362
Cộng	9.804.084.239	5.262.094.725

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	30.143.231.298	29.362.715.659
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	30.143.231.298	29.362.715.659
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	21.268.956	21.268.956
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.417	1.381

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	597.384.274.554	493.203.013.586
Chi phí nhân công	83.588.039.630	76.947.543.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.872.972.695	9.184.326.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.378.217.257	293.585.119.354
Chi phí khác	95.925.474.813	104.300.010.472
Cộng	988.148.978.949	977.220.013.213

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 11.165.000.000 VND (số đầu năm là 14.258.470.364 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về tiền mượn và tiền vay với thành viên Hội đồng quản trị với số tiền lần lượt là 42.300.000.000 và 6.000.000.000 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 3.139.779.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.323.396.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH TĐH
Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc	Người đại diện của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc Lộc là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thiên Phúc		
Lộc		
Thuê văn phòng	240.000.000	60.000.000
Mua hạt nhựa	79.330.627.726	10.125.900.000
Tiền điện	17.901.390	-

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH Đại Hưng đã bảo lãnh cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	279.485.707.504	201.136.769.812
Các nước Châu Âu	434.199.346.757	534.200.394.873
Cộng	713.685.054.261	735.337.164.685

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

32

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.430.643.779	-	-	41.430.643.779
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000
Phải thu khách hàng	176.826.489.987	-	1.294.268.140	178.120.758.127
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu khác	7.035.047.367	-	-	7.035.047.367
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.000.000.000	-	2.393.326.995	12.393.326.995
Cộng	287.292.181.133	-	3.687.595.135	290.979.776.268
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.862.092.511	-	-	17.862.092.511
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	149.523.691.389	-	-	149.523.691.389
Phải thu khách hàng	138.970.349.823	-	1.294.268.140	140.264.617.963
Các khoản phải thu khác	7.928.270.625	-	-	7.928.270.625
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.000.000.000	-	7.058.831.352	17.058.831.352
Cộng	324.284.404.348	-	8.353.099.492	332.637.503.840

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

33

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	38.539.387.662	-	38.539.387.662
Các khoản phải trả khác	13.267.513.536	-	13.267.513.536
Vay và nợ	257.076.613.199	-	257.076.613.199
Cộng	308.883.514.397	-	308.883.514.397
Số đầu năm			
Phải trả người bán	38.726.245.655	-	38.726.245.655
Các khoản phải trả khác	1.947.913.108	-	1.947.913.108
Vay và nợ	256.657.530.555	-	256.657.530.555
Cộng	297.331.689.318	-	297.331.689.318

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	500.542,39	20,87	688.948,37	20,87
Phải thu khách hàng	4.532.420,73	-	3.804.548,22	-
Phải trả người bán	(196.428,75)	-	(13.820,00)	-
Vay và nợ	(11.080.888,50)	-	(11.301.520,50)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(6.244.354,13)	20,87	(6.821.843,91)	20,87

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.317.904.253 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.478.785.203 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 11.080.888,50 USD (số đầu năm là 11.301.520,50 USD).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.585.500.350 VND (số đầu năm là 4.210.514.550 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tiền gửi có kỳ hạn và khoản tương đương tiền để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.1 và V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 77.871.722.222 VND (số đầu năm là 113.023.691.389 VND).

Ngoài ra, Tập đoàn thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.7).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.430.643.779	-	17.862.092.511	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.000.000.000	-	149.523.691.389	-
Phải thu khách hàng	178.120.758.127	(1.294.268.140)	140.264.617.963	(1.294.268.140)
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	7.035.047.367	-	7.928.270.625	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.393.326.995	(807.627.696)	17.058.831.352	(2.848.117.853)
Cộng	290.979.776.268	(2.101.895.836)	332.637.503.840	(4.142.385.993)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	38.539.387.662	38.726.245.655
Các khoản phải trả khác	13.267.513.536	1.947.913.108
Vay và nợ	257.076.613.199	256.657.530.555
Cộng	308.883.514.397	297.331.689.318

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

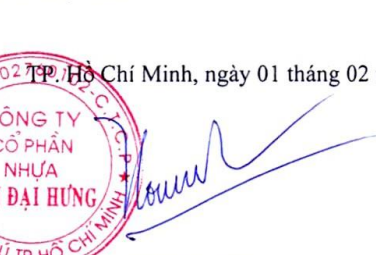
5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019



The image shows three blue ink signatures and a red circular company stamp. The stamp contains the text: "M.S.D.N. 030277", "CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG", and "TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH".

 Hồ Nhật Minh Người lập biểu	 Nguyễn Thị Thanh Loan Kế toán trưởng	 Tôn Thị Hồng Minh Phó Tổng Giám đốc
--	---	---

315-C,
TY
HỮU HẠ
À TỰ VÃ
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28.874.882.850	679.287.340.351	5.522.831.060	-	713.685.054.261
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	73.770.156.000	168.688.004.935	6.000.000.000	(248.458.160.935)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.645.038.850	847.975.345.286	11.522.831.060	(248.458.160.935)	713.685.054.261
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	433.149.766	28.033.008.135	(172.959.829)	-	28.293.198.071
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					28.293.198.071
Doanh thu hoạt động tài chính					14.191.292.433
Chi phí tài chính					(14.339.244.527)
Thu nhập khác					9.804.084.239
Chi phí khác					(26.656.515)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.779.442.403)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					30.143.231.298
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	756.427.948	17.795.117.354	-	-	18.551.545.302
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	674.235.246	15.861.517.752	-	-	16.535.752.998
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	458.407.441.100	270.022.241.382	6.907.482.203	-	735.337.164.685
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	81.372.456.387	257.347.308.901	6.000.000.000	(344.719.765.288)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	539.779.897.487	527.369.550.283	12.907.482.203	(344.719.765.288)	735.337.164.685
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(6.800.949.183)	30.595.446.660	340.686.764	-	24.135.184.241
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					24.135.184.241
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					12.374.446.398
Doanh thu hoạt động tài chính					(4.807.583.146)
Chi phí tài chính					5.262.094.725
Thu nhập khác					(58.542.778)
Chi phí khác					(7.542.883.781)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					29.362.715.659
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.627.483.367	7.438.145.754	-	-	20.065.629.121
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.071.570.084	5.932.599.876	-	-	16.004.169.960
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



Ngày 12 tháng 03 năm 2019
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


PHẠM ĐO ĐIỂM HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:				
	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ
Số cuối năm				Cộng
Tài sản phần bổ của bộ phận	24.456.144.115	575.335.636.079	-	599.791.780.194
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				62.585.699.299
Tổng tài sản				662.377.479.493
Nợ phải trả phần bổ của bộ phận	13.644.817.185	320.997.027.886	-	334.641.845.071
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				334.641.845.071
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	305.599.034.178	174.484.197.073	-	480.083.231.251
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				163.734.404.888
Tổng tài sản				643.817.636.139
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	197.805.574.146	116.516.224.869	-	314.321.799.015
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				314.321.799.015



 TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019
 Tôn Thị Hồng Minh
 Phó Tổng Giám đốc


 Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


 TỶ HỮU HẠN TỰ VẤN
 C
 ĐỒ CHÍ MINH

Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu